



KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 1

Th.S Nguyễn Quang Huy
Khoa Kế toán – Tài chính, Đại học Kinh Tế Huế



NỘI DUNG MÔN HỌC

CHƯƠNG 1 – TỔNG QUAN VỀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

CHƯƠNG 2 – KẾ TOÁN TIỀN VÀ KHOẢN PHẢI THU

CHƯƠNG 3 – KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

CHƯƠNG 4 – KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

CHƯƠNG 5 – KẾ TOÁN NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU

CHƯƠNG 6 – KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

CHƯƠNG 7 – KẾ TOÁN TIÊU THỤ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

CHƯƠNG 8 – PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thị trường Kinh tế Hu

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VỀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Đi h c Kinh t Hu

- Mục tiêu chung:
 - ✓ Tổng quan về kế toán tài chính
 - ✓ Tổng quan về chế độ kế toán hiện hành
- Mục tiêu cụ thể:
 - ✓ Khái niệm kế toán tài chính
 - ✓ Phân biệt kế toán tài chính với kế toán quản trị
 - ✓ Đối tượng của kế toán tài chính
 - ✓ Một số nguyên tắc kế toán được thừa nhận
 - ✓ Quy trình kế toán
 - ✓ Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành

PHÂN BIỆT KTTC & KTQT

KTTC

- **Đối tượng sử dụng t. tin:**
 - Cả trong và ngoài DN
- **Đặc điểm thông tin:**
 - Tuân thủ các nguyên tắc KT
 - Phản ánh các sự kiện quá khứ
- **Yêu cầu thông tin:**
 - Đòi hỏi tính khách quan chính xác cao.
- **Các loại báo cáo:**
 - Báo cáo Tài chính theo qui định của NN
 - Thường xuyên
- **Tính pháp lệnh:**
 - Có tính pháp lệnh

KTQT

- **Đối tượng sử dụng t. tin:**
 - NQT trong DN
- **Đặc điểm thông tin:**
 - Linh hoạt, không qui định cụ thể
 - Hướng về tương lai
- **Yêu cầu thông tin:**
 - Đòi hỏi tính kịp thời hơn tính chính xác
- **Các loại báo cáo:**
 - Báo cáo đặc biệt
 - Thường xuyên
- **Tính pháp lệnh:**
 - Không có tính pháp lệnh

ĐỐI TƯỢNG KẾ TOÁN

- ❖ **Câu hỏi:** Người sử dụng thông tin kế toán cần những loại thông tin nào?
- Các đối tượng kế toán bao gồm:

**TÀI
SẢN**

**NỢ
PHẢI
TRẢ**

Kinh tế Hu

**VỐN
CHỦ
SỞ
HỮU**



ĐỐI TƯỢNG KẾ TOÁN

**DOANH
THU**

**THU
NHẬP**

**CHI
PHÍ**

Kinh t Hu



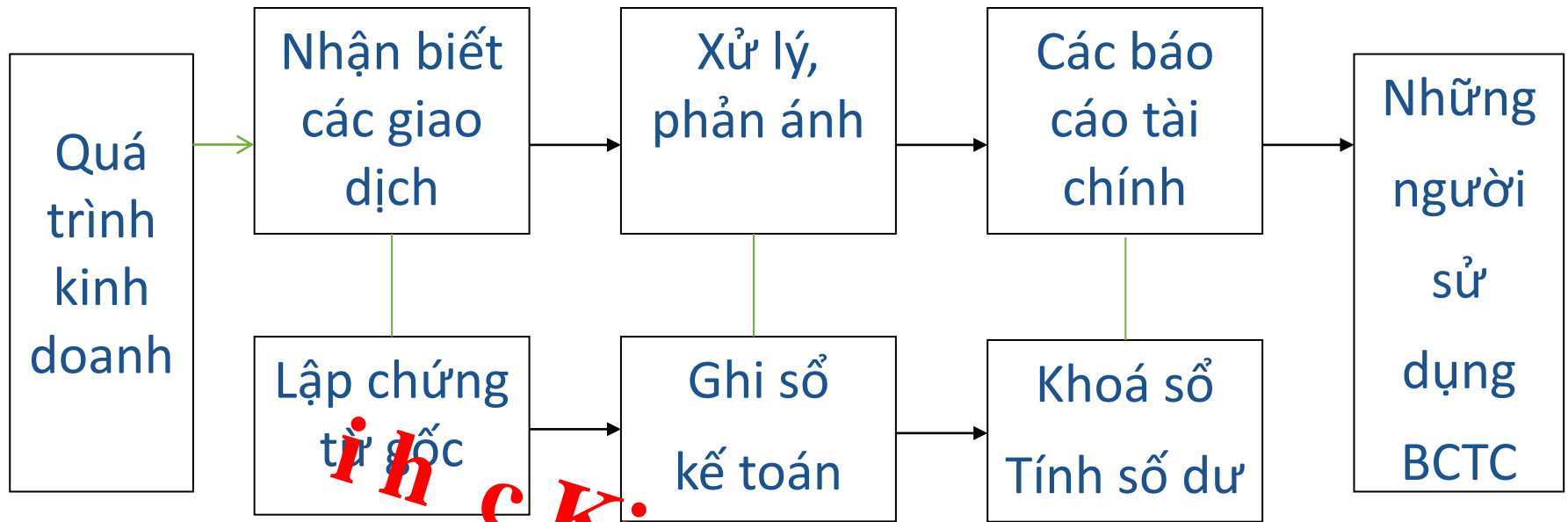
NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN

“Nguyên tắc kế toán là những quy ước, chỉ dẫn, hướng dẫn xuyên suốt trong quá trình thực hiện các công việc kế toán được nhiều người công nhận ở một thời điểm”.





QUY TRÌNH KẾ TOÁN



Thị trường Kinh tế Hu

MÔI TRƯỜNG PHÁP LÝ CỦA KẾ TOÁN



MÔI TRƯỜNG PHÁP LÝ CỦA KẾ TOÁN

LUẬT KẾ TOÁN

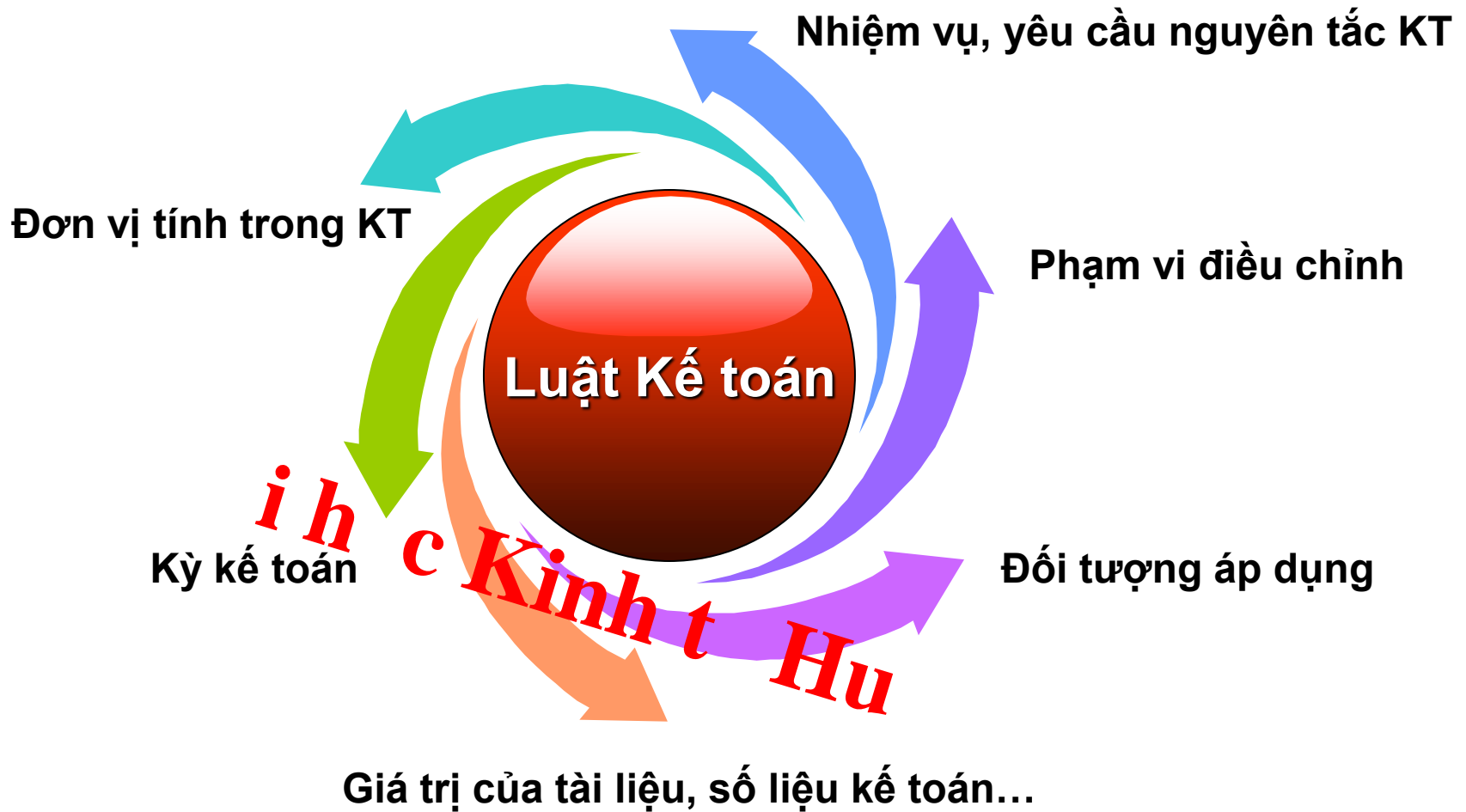
Được QH thông qua ngày 20/11/2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2017 (thay thế luật kế toán 2003)

- Có tính pháp lý cao nhất
- Quy định những vấn đề mang tính nguyên tắc
- Làm cơ sở để xây dựng CMKT và CĐKT

Viện Nghiên cứu Kinh tế Hu

MÔI TRƯỜNG PHÁP LÝ CỦA KẾ TOÁN

LUẬT KẾ TOÁN



MÔI TRƯỜNG PHÁP LÝ CỦA KẾ TOÁN

CHUẨN MỰC KẾ TOÁN

✚ CMKT là những quy định và hướng dẫn các nguyên tắc, nội dung, phương pháp và thủ tục kế toán cơ bản, chung nhất làm cơ sở ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính nhằm đạt được sự đánh giá trung thực, hợp lý khách quan về thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Thư viện Kinh tế Hu

MÔI TRƯỜNG PHÁP LÝ CỦA KẾ TOÁN

CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

❑ Mục đích ban hành:

Nhằm hướng dẫn cụ thể cho Luật Kế toán và CMKT

❑ Các chế độ kế toán đã ban hành:

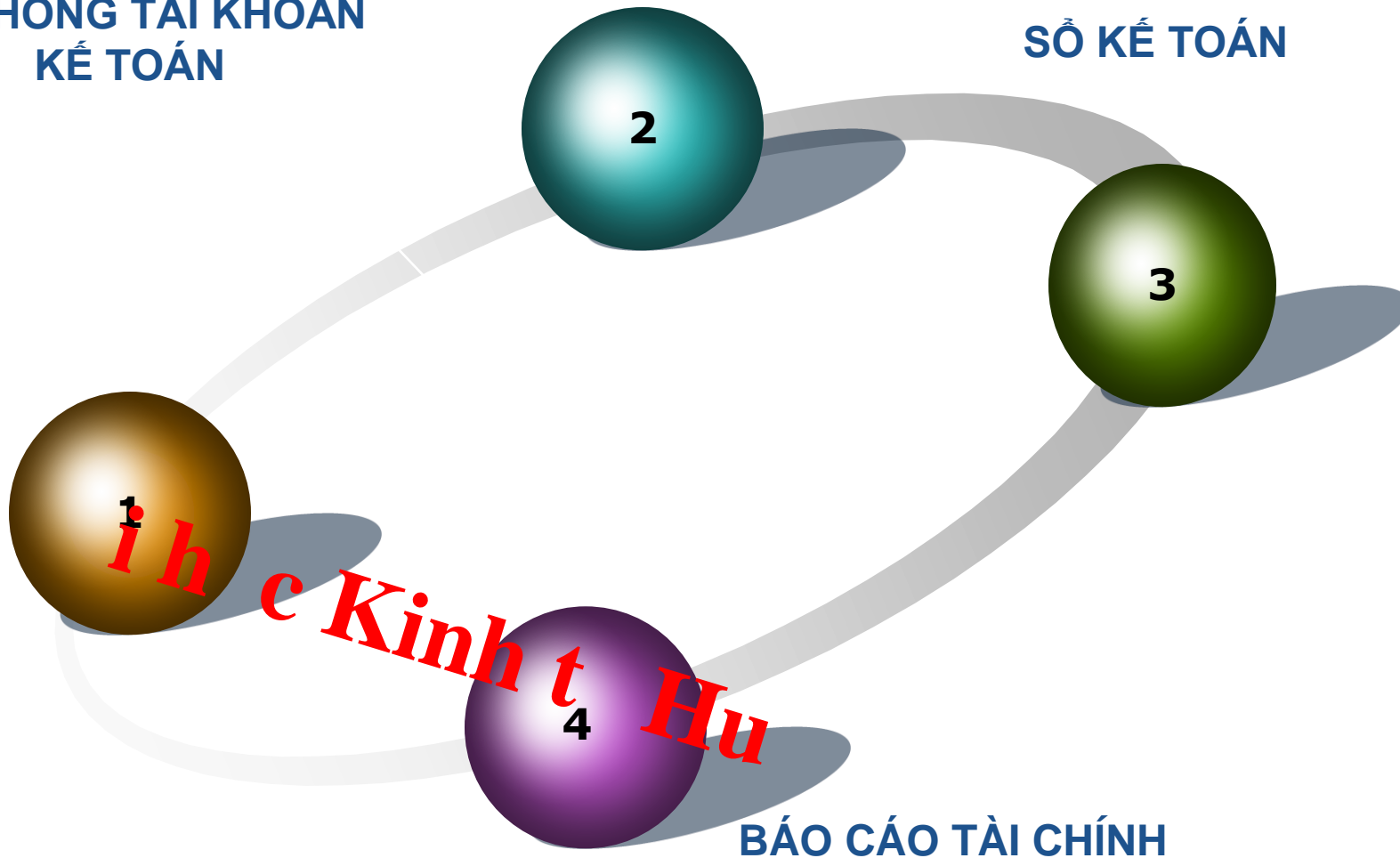
- ❑ Chế độ kế toán doanh nghiệp theo QĐ 1141 - TC/QĐ/CĐKT ngày 1/11/1995
- ❑ Chế độ kế toán doanh nghiệp theo QĐ 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006
- ❑ Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa theo QĐ 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/09/2006
- ❑ Chế độ kế toán ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.
- ❑ Chế độ kế toán ban hành kèm thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016.
- ❑ Chế độ, hướng dẫn kế toán đặc thù.

MÔI TRƯỜNG PHÁP LÝ CỦA KẾ TOÁN

NỘI DUNG CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

HỆ THỐNG TÀI KHOẢN
KẾ TOÁN

SỔ KẾ TOÁN



CHỨNG TỪ
KẾ TOÁN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÁC HÌNH THỨC KẾ TOÁN

Doanh nghiệp có thể áp dụng một trong 5 hình thức kế toán dưới đây:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái
- Hình thức Chứng từ ghi sổ
- Hình thức Nhật ký chứng từ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính

Hình thức Kế toán Hu

CHU TRÌNH KẾ TOÁN

ACCOUNTING CYCLE

Thu thập

Xử lý

Cung cấp TT

Chứng từ gốc

Sổ nhật ký

Sổ cái

BCĐ số PS

BCTC

Thu thập
thông tin

Ghi sổ

Chuyển sổ

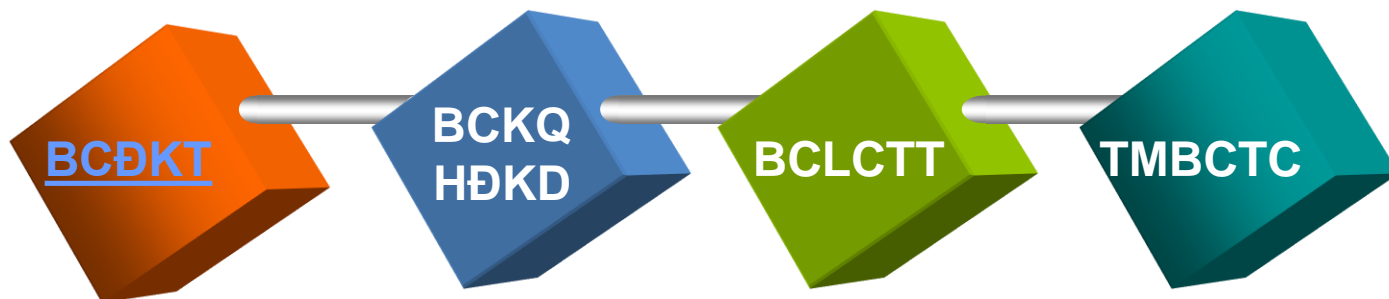
Điều chỉnh

Lập báo cáo

Khoá sổ

ih c Kinh t Hu

HỆ THỐNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH



Trình bày
tình hình tài
chính của
DN tại một
thời điểm.

Thể hiện
tình hình
kinh doanh
của DN
trong 1 kỳ
nhất định

Luồng tiền
hình thành
và sử dụng
của DN
trong 1 kỳ
nhất định

Giải thích 1
số thông
tin trên các
BCTC

Th

Kinh t

Hu



CHƯƠNG 2

KẾ TOÁN TIỀN & CÁC KHOẢN PHẢI THU



Thị trường Kinh tế Hu

KẾ TOÁN TIỀN & CÁC KHOẢN PHẢI THU

Kế toán tiền:

- Khái niệm, phân loại
- Kiểm soát nội bộ đối với tiền
- Kế toán thu chi tiền mặt
- Trình bày thông tin trên BCTC

Kế toán các khoản phải thu:

- Khái niệm, phân loại
- Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu
- Kế toán các khoản phải thu
- Trình bày thông tin trên BCTC

ih e Kinh t Hu

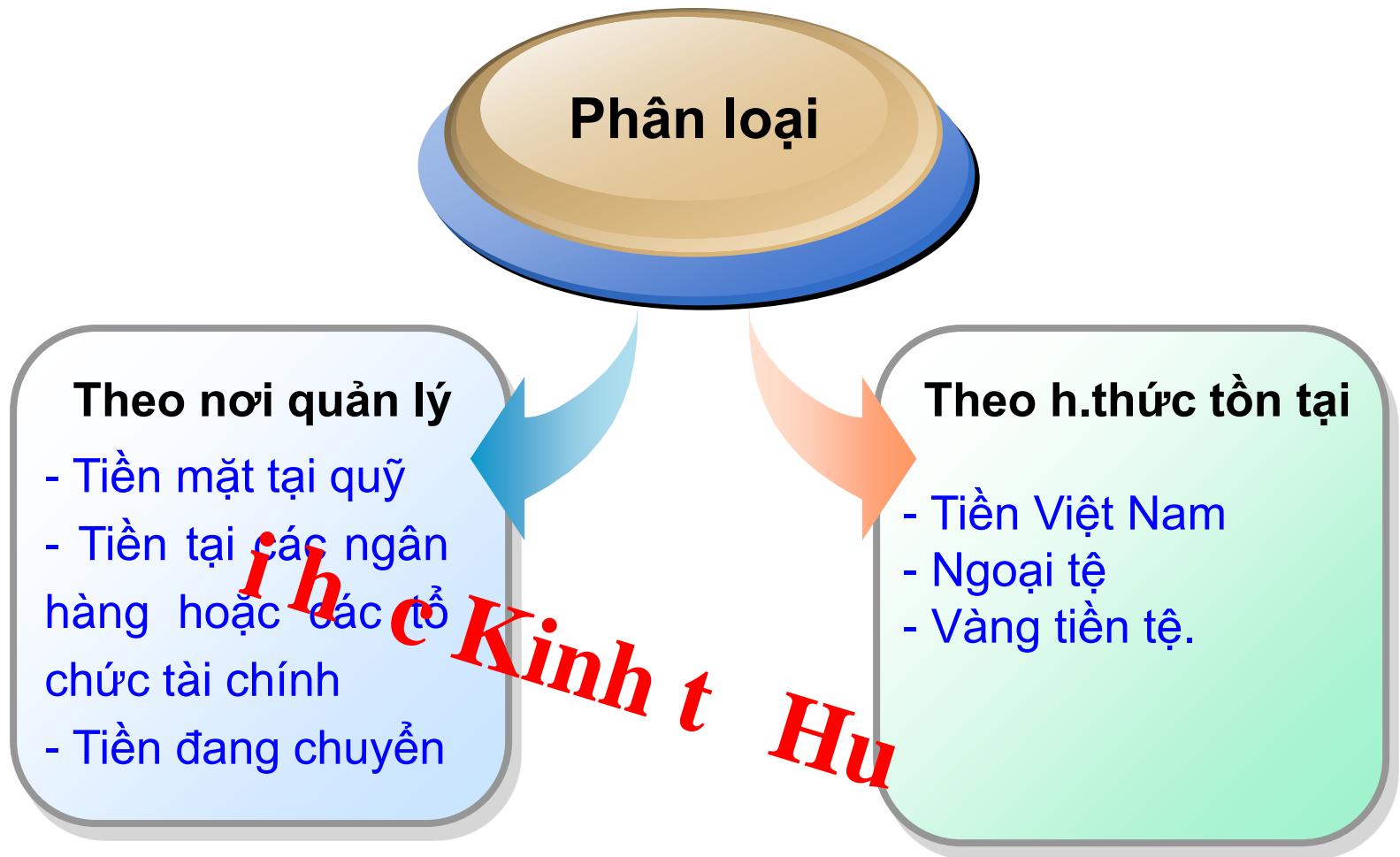
ĐỊNH NGHĨA

Tiền:

- Là một bộ phận của tài sản ngắn hạn của DN,
- Là tài sản có tính thanh khoản cao nhất,
- Là trung gian của việc trao đổi,
- Và là cơ sở cho việc đo lường và kế toán tất cả các khoản mục khác.

hệ thống Kế toán Hu

PHÂN LOẠI



KẾ TOÁN TIỀN TẠI QUỸ

CHỨNG TỪ HẠCH TOÁN

- Phiếu thu; Phiếu chi
- Phiếu xuất, phiếu nhập kho vàng
- Biên lai thu tiền; Bảng kê vàng
- Biên bản kiểm kê quỹ...

TÀI KHOẢN SỬ DỤNG

Tiền mặt – TK 111

i h *c Kinh t* *Hu*

TK 111
TK 1112
TK 1113

KẾ TOÁN TIỀN MẶT

TIỀN VIỆT NAM (VNĐ)

112	1111	152,153,156,211,241(133)
Rút tiền gửi NH nhập quỹ TM	Chi tiền mua VT,HH,TSCĐ	
511,131(3331)		627,641,642,635
Thu tiền bán hàng	CP hữ SXKD, TC	
515,711		331,333,334...
DT hđộng TC và TN khác	Chi thanh toán	
341		341
Vay ngắn hạn, dài hạn	Chi trả vay ngắn hạn, dài hạn	
244		244
Thu hồi tiền ký quỹ, ký cược	Chi TM ký quỹ, ký cược	
3381		1381
Kiểm kê, phát hiện thừa	Kiểm kê phát hiện thiếu	

Thế Giới Kinh Tế

TRÌNH BÀY THÔNG TIN TRÊN BCTC

TIỀN

BCĐKT

A. TSNH

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

1. Tiền
2. Tương đương tiền

hiện tại Kinh tế

BCLCTT

Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh

Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư

Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

Hu

KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU

KHÁI NIỆM, PHÂN LOẠI

Khái niệm:

□ Các khoản phải thu là bộ phận tài sản phát sinh trong quá trình kinh doanh của đơn vị, như:

- Bán chịu cho người mua
- Ứng trước tiền cho người bán
- Khoản phải thu về cho vay
- Phải thu từ các cá nhân trong đơn vị về tiền tạm ứng, tiền bồi thường...

hệ thống Kế toán Tài chính

→ Đây là một phần tài sản của DN, do DN kiểm soát và sẽ thu được lợi ích kinh tế trong tương lai.

KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU

KHÁI NIỆM, PHÂN LOẠI

Phân loại:

Phải thu có tính chất thương mại:

- ***Phải thu khách hàng***
- ***Khoản ứng trước cho người bán...***

Phải thu nội bộ:

Phải thu khác:

- ***Phải thu người lao động***
- ***Phải thu về tạm ứng***
- ***Phải thu về các khoản ký quỹ, ký cược***
- ***Phải thu khác...***

hệ thống Kế toán Thuế

KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU

NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU

1. Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu.
2. Phải phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác.
3. Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.
4. Các chỉ tiêu phải thu của Bảng cân đối kế toán có thể bao gồm cả các khoản được phản ánh ở các tài khoản khác ngoài các tài khoản phải thu, như: Khoản cho vay được phản ánh ở TK 1283; Khoản ký quỹ, ký cược phản ánh ở TK 244, khoản tạm ứng ở TK 141...

Thư viện Kinh tế Hữu

KẾ TOÁN PHẢI THU KHÁCH HÀNG

CHỨNG TỪ HẠCH TOÁN

- Hóa đơn GTGT; Hóa đơn thông thường
- Phiếu thu; Phiếu chi
- Giấy báo Nợ, Có của Ngân hàng
- Biên bản nhận nợ...

TÀI KHOẢN SỬ DỤNG

TK 131 – *Phải thu khách hàng*

hiệu Kinh tế Hu

KẾ TOÁN PHẢI THU KHÁCH HÀNG

KẾ TOÁN MỘT SỐ NGHIỆP VỤ CHỦ YẾU



KẾ TOÁN PHẢI THU KHÁC

TÀI KHOẢN SỬ DỤNG

Phải thu khác – TK 138

TK 1381- Tài sản thiếu chờ xử lý

TK 1385- Phải thu về cổ phần hóa

TK 1388- Phải thu khác

NỘI DUNG HẠCH TOÁN

Hạch toán vào TK này các khoản phải thu không mang tính chất thương mại như:

- Giá trị tài sản thiếu chưa xác định được nguyên nhân, chờ xử lý (*TK 1381*)

- Giá trị TS thiếu xử lý bất bồi thường

- Các khoản cho mượn tạm thời không lấy lãi

- Các khoản chi hộ

- Các khoản tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia phải thu từ hđộng TC

TK 1388

Định c Kinh t Hu

KẾ TOÁN PHẢI THU KHÁC

KẾ TOÁN TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ



KẾ TOÁN PHẢI THU KHÁC

KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC



KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU

TRÌNH BÀY THÔNG TIN TRÊN BCTC

A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	Mã số	Số cuối năm
...		
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	
4. Phải thu theo tiến độ KHHĐXD	134	
5. Phải thu về cho thuê ngắn hạn	135	
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	

ih c Kinh t Hu

Business
The New York

KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU

TRÌNH BÀY THÔNG TIN TRÊN BCTC

C – NỢ PHẢI TRẢ	Mã số	Số cuối năm
I. Nợ ngắn hạn	310	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	
...		

hiện tại Kinh tế Hu



CHƯƠNG 3

KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

Thị trường Kinh tế Hu





NỘI DUNG TRÌNH BÀY

KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

- Khái niệm – Phân loại hàng tồn kho
- Ghi nhận hàng tồn kho
- Các phương pháp kế toán hàng tồn kho
- Các phương pháp tính giá hàng tồn kho
- Kế toán chi tiết hàng tồn kho
- Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
- Trình bày báo cáo tài chính

Trình Kinh Hu



KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

KHÁI NIỆM

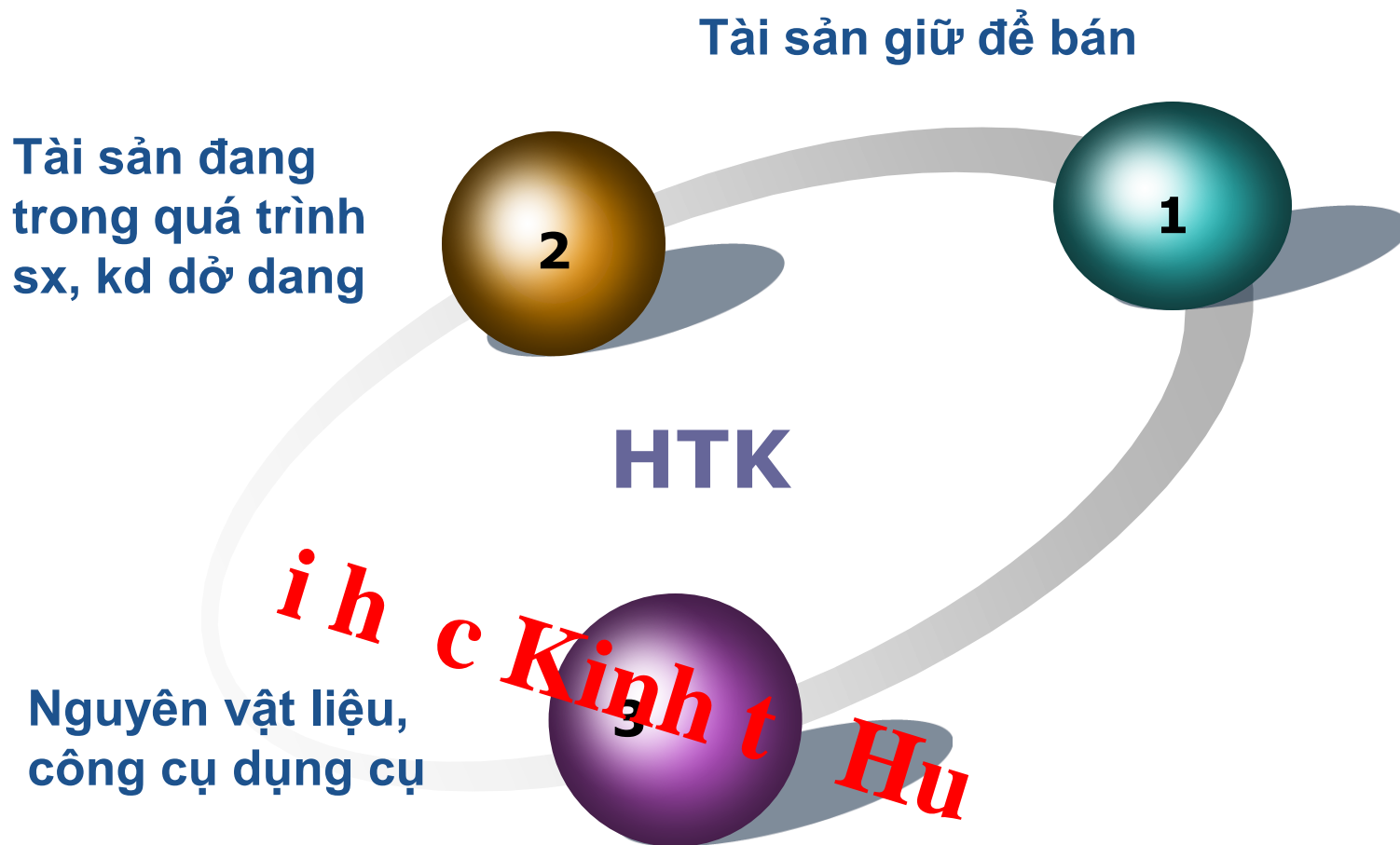
Là tài sản nằm
trong khâu dự
trữ của quá trình
SXKD



Là loại tài sản
ngắn hạn vì nó
thường được bán
đi trong vòng 1
năm hay 1 CKKD

KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

PHÂN LOẠI THEO VAS 02



KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

GHI NHẬN HTK

Các nguyên tắc kế toán chi phối việc ghi nhận HTK:

Nguyên tắc giá gốc

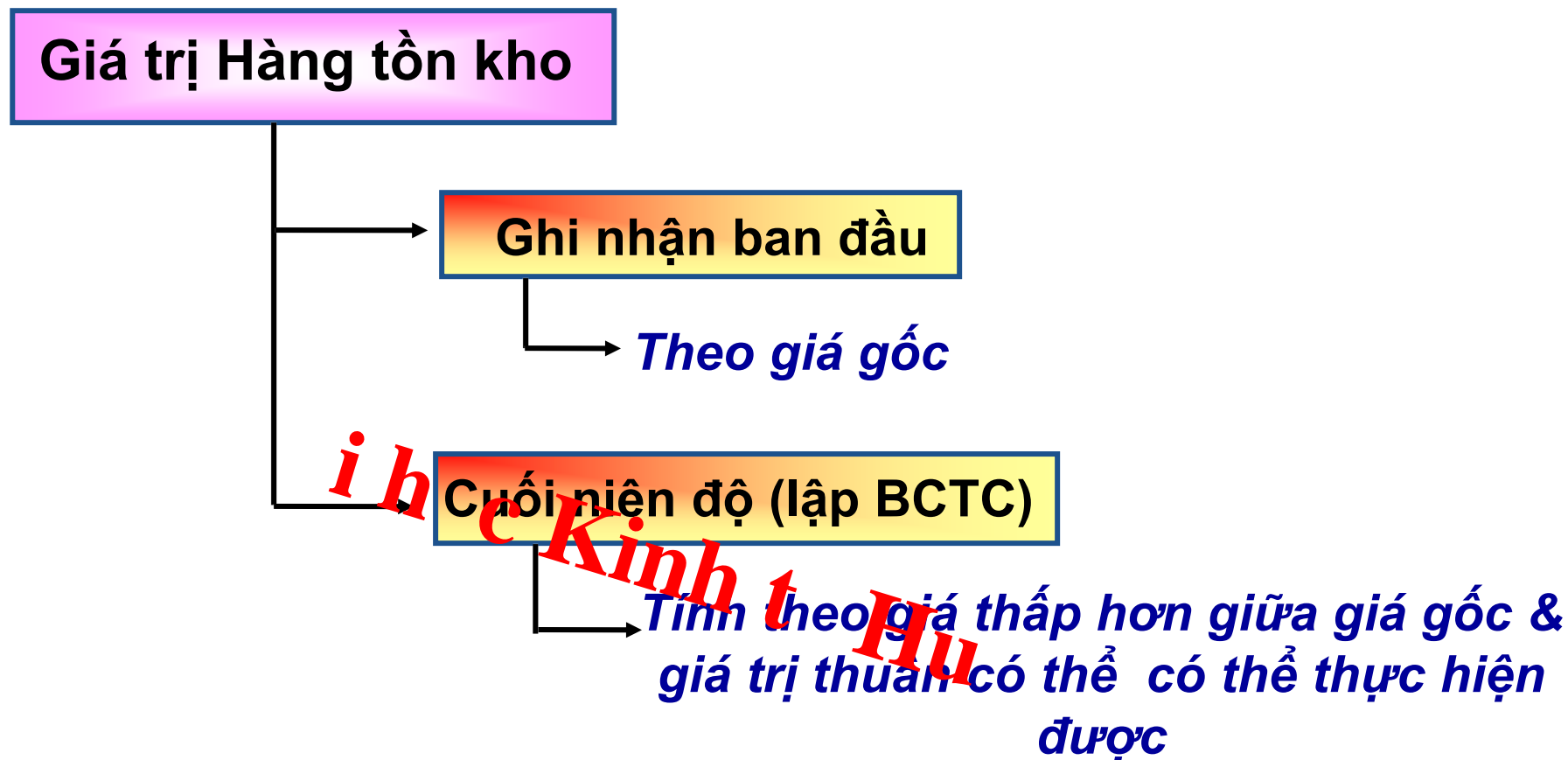
Nguyên tắc thận trọng

Nguyên tắc nhất quán

hiệu quả Kinh tế Hữu

KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

GHI NHẬN GIÁ TRỊ HTK (VAS 02)



KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

GHI NHẬN GIÁ TRỊ HTK (VAS 02)

Giá gốc HTK

Cấu thành



Chi phí mua Chi phí vận chuyển Chi phí khác

KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

GHI NHẬN GIÁ TRỊ HTK (VAS 02)

Chi phí mua:

- Giá mua
- Các loại thuế không được hoàn lại (NK, TTĐB, GTGT theo pp trực tiếp)
- Chi phí VC, bốc xếp, kiểm dịch, BH, bảo quản **trong quá trình mua**

Chi phí chế biến:

- Chi phí nhân công trực tiếp
- Chi phí sản xuất chung (cố định + biến đổi)

→ Để chuyển hóa NVL thành thành phẩm

Chi phí liên quan trực tiếp khác:

VD: Chi phí thiết kế cho một đơn đặt hàng cụ thể

KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

GHI NHẬN HTK

PHƯƠNG PHÁP KẾ TOÁN HTK

KÊ KHAI THƯỜNG XUYÊN

Phương pháp theo dõi và phản ánh **thường xuyên, liên tục**, tình hình **nhập, xuất, tồn** HTK trên sổ KT

Tồn cuối kỳ = Tồn đầu kỳ + Nhập trong kỳ - Xuất trong kỳ

KIỂM KÊ ĐỊNH KỲ

Phương pháp căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế => giá trị tồn kho
khi kiểm kê => tính ra giá trị HTK xuất

Giá trị xuất = GT tồn đầu + GT nhập – GT tồn kiểm kê

KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

GHI NHẬN GIÁ TRỊ HTK (VAS 02)

PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ TRỊ HTK

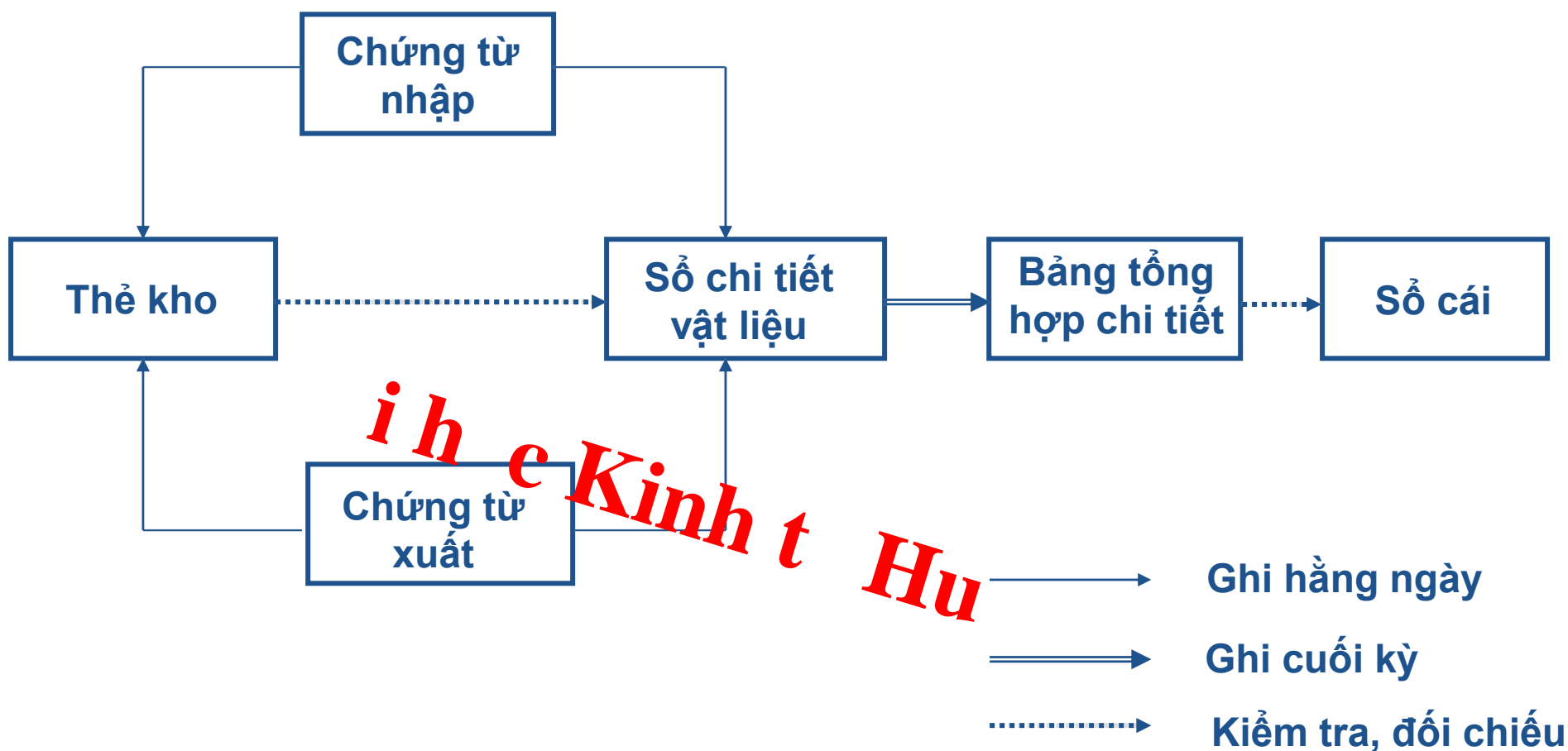
Việc tính giá trị HTK được áp dụng theo một trong các PP sau:

1. Phương pháp thực tế đích danh
2. Phương pháp bình quân gia quyền
3. Phương pháp nhập trước, xuất trước

h c Kinh t Hu

KẾ TOÁN CHI TIẾT HÀNG TỒN KHO

PHƯƠNG PHÁP THẺ SONG SONG



KẾ TOÁN CHI TIẾT HÀNG TỒN KHO

PHƯƠNG PHÁP THẺ SONG SONG

THẺ KHO

Ngày lập thẻ:.....Tờ số:.....

- Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư:.....

- Đơn vị tính:.....Mã số:.....

Ngày, tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
	Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
B	C	D	E	F	1	2	3	G
			Cộng cuối kỳ					

- Sổ này có.....trang, đánh số từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:.....

Ngày ... tháng năm

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KẾ TOÁN CHI TIẾT HÀNG TỒN KHO

PHƯƠNG PHÁP THẺ SONG SONG

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Năm....

Tài khoản: Tên kho.....

Tên, quy cách nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa:

Đơn vị tính:

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
A	B	C	D	1	2	3=1x2	4	5=1x4	6	7=1x6	8
		Tồn đầu kỳ									
		Cộng									

Thị trường Kinh tế Hu

Ngày ... tháng năm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KẾ TOÁN CHI TIẾT HÀNG TỒN KHO

PHƯƠNG PHÁP THẺ SONG SONG

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Tài khoản:

Tháng...năm...

STT	Tên , quy cách vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Số tiền			
		Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
A	B	1	2	3	4
	Cộng				

Người lập
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng năm

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

ih c Kinh t Hu

KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

KẾ TOÁN NVL VÀ CÔNG CỤ, DỤNG CỤ

Nguyên vật liệu:

Là đối tượng lao động được sử dụng kết hợp với tư liệu lao động dưới sự tác động của của sức lao động để tạo ra s.phẩm

Phân loại :

❖ Theo công dụng của vật liệu trong sản xuất :

Nguyên vật liệu chính

Vật liệu phụ

Nhiên liệu

Vật tư thay thế, sửa chữa

Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản.

Thư Kinh t Hu

KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

KẾ TOÁN NVL VÀ CÔNG CỤ, DỤNG CỤ

❖ Theo nguồn cung cấp:

Nguyên vật liệu mua ngoài

Vật liệu tự chế biến

Vật liệu thuê ngoài gia công

Nguyên, vật liệu nhận góp vốn liên doanh

Nguyên, vật liệu được cấp...

Thư c Kinh t Hu

KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

KẾ TOÁN NVL VÀ CÔNG CỤ, DỤNG CỤ

Công cụ, dụng cụ:

Là những tư liệu lao động không đủ tiêu chuẩn để ghi nhận là TSCĐ

Phân loại:

❖ Theo giá trị và thời gian sử dụng:

Loại phân bổ một lần (100% giá trị)

Loại phân bổ nhiều lần (phân bổ dần giá trị)

❖ Theo mục đích sử dụng:

Công cụ, dụng cụ

Bao bì luân chuyển

Đồ dùng cho thuê

Thiết bị, phụ tùng thay thế

hệ thống Kế toán Hu

KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

KẾ TOÁN NVL VÀ CC,DC THEO PP KCTX

Chứng từ hạch toán:

- Hóa đơn GTGT; Hóa đơn bán hàng; Phiếu kê mua hàng
- Phiếu nhập kho; Phiếu xuất kho; Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ

Tài khoản sử dụng:

TK 151

TK 152

TK 153

ích Kinh t Hu

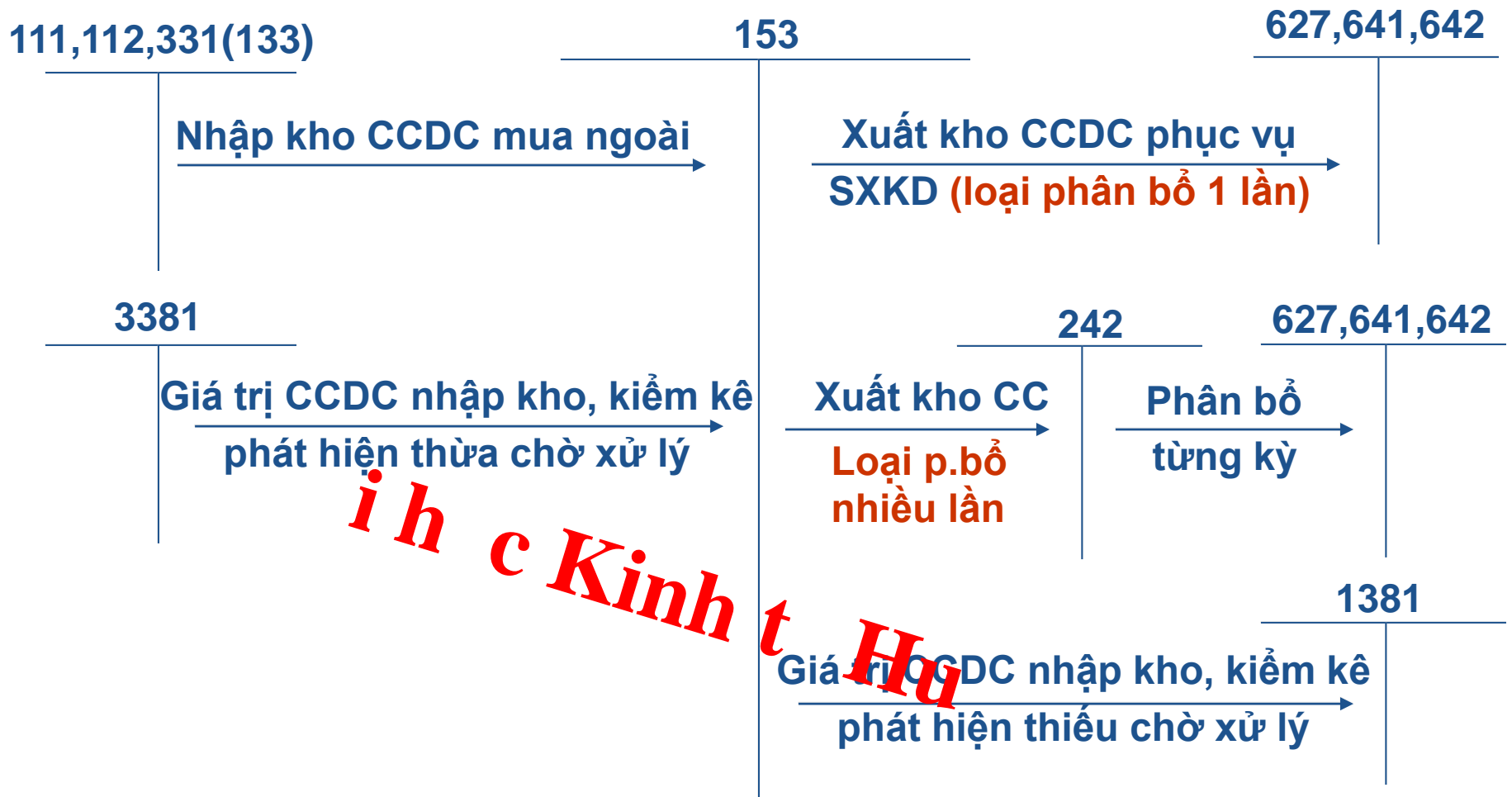
KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

KẾ TOÁN NHẬP – XUẤT NVL PHỤC VỤ SXKD



KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

KẾ TOÁN NHẬP – XUẤT CC,DC PHỤC VỤ SXKD



TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BCĐKT

A. TSNH

IV. Hàng tồn kho

1. Hàng tồn kho
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

BCKQHĐKD

Doanh thu bán hàng

Giá vốn hàng bán...

Thị trường Kinh tế Hu

TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thuyết minh BCTC:

- Chính sách KT trong việc đánh giá và xác định giá trị HTK
- Giá gốc của tổng số và của từng loại HTK
- Giá trị dự phòng giảm giá HTK
- Giá trị HTK đem đi thế chấp cầm cố

ih c Kinh t Hu



CHƯƠNG 4

KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Thị trường Kinh tế Hu



KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

- Định nghĩa – Phân loại TSCĐ
- Tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ
- Xác định giá trị TSCĐ
- Kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu
- Trình bày báo cáo tài chính

Thị trường Kinh tế

Hu



TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

ĐỊNH NGHĨA (VAS 03 + VAS 04)

TSCĐ HỮU HÌNH

Là những tài sản **có hình thái vật chất** do doanh nghiệp nắm giữ để **phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh** phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ hữu hình

TSCĐ VÔ HÌNH

Là những tài sản **không có hình thái vật chất**, nhưng xác định được giá trị và do doanh nghiệp nắm giữ, **sử dụng trong SXKD, cung cấp dịch vụ, hoặc cho các đối tượng khác thuê**, phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ vô hình

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

TIÊU CHUẨN GHI NHẬN TSCĐ

- 1 Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó.
- 2 Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy.
- 3 Thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm.
- 4 Có đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy định hiện hành.

hiện hành
Kinh tế
Hu

PHÂN LOẠI

■ Theo hình thái biểu hiện và nội dung kinh tế:

- + TSCĐ hữu hình
- + TSCĐ vô hình

■ Theo phương thức hình thành:

- + TSCĐ hình thành qua mua sắm
- + TSCĐ hình thành qua xây dựng
- + TSCĐ hình thành qua trao đổi
- + TSCĐ hình thành qua sửa chữa
- + TSCĐ hình thành qua nhận góp vốn...

Í h c Kinh t Hu

PHÂN LOẠI

■ Theo nguồn hình thành:

- + TSCĐ được đầu tư từ vốn chủ sở hữu
- + TSCĐ đầu tư từ vốn vay, nợ

■ Theo quyền sở hữu:

- + TSCĐ tự có
- + TSCĐ đi thuê

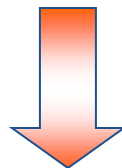
ih c Kinh t Hu

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TSCĐ HH

XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BAN ĐẦU CỦA TSCĐ HH

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH



NGUYÊN GIÁ



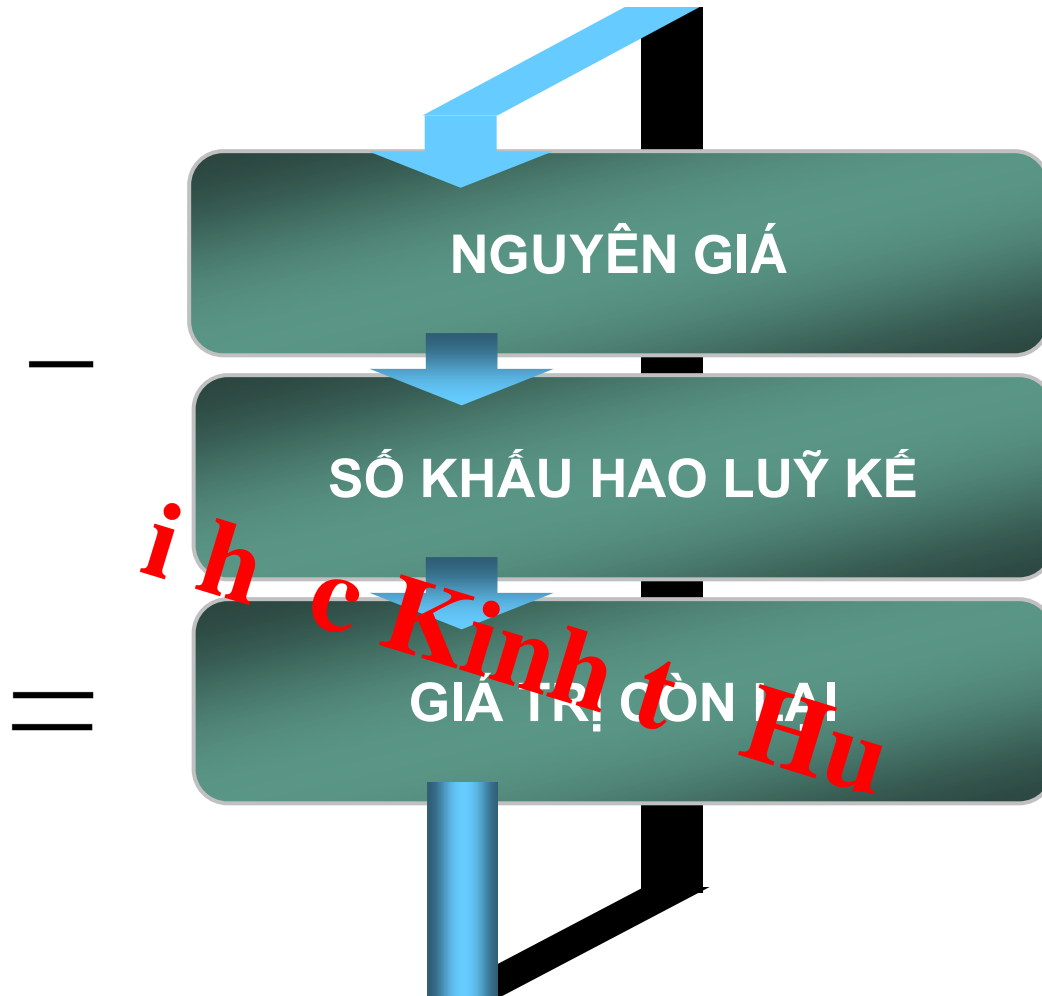
Nguyên giá TSCĐ HH là toàn bộ các chi phí mà DN bỏ ra để có TSCĐ HH tính đến thời điểm đưa TS đó vào **trạng thái sẵn sàng sử dụng**

hiệu lực Kinh tế Hữu

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TSCĐ

XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ SAU GHI NHẬN BAN ĐẦU



TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TSCĐ

CHI PHÍ PHÁT SINH SAU GHI NHẬN BAN ĐẦU

CP phát sinh sau ghi nhận ban đầu của TSCĐ HH

Tăng nguyên giá

(Nếu chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó)

Tăng CP SXKD trong kỳ

(Nếu không thỏa mãn điều kiện làm tăng nguyên giá tài sản)

Thế Giới Kinh Tế Hu

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TSCĐ

CHI PHÍ PHÁT SINH SAU GHI NHẬN BAN ĐẦU

- Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá TSCĐ HH nếu chúng **thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó**, như:
 - Thay đổi bộ phận của TSCĐ HH làm tăng thời gian sử dụng hữu ích hoặc tăng công suất sử dụng của chúng;*
 - Cải tiến bộ phận của TSCĐ HH làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm;*
 - Áp dụng quy trình công nghệ mới làm giảm chi phí hoạt động so với trước.*
- **Chi phí sửa chữa và bảo dưỡng TSCĐ HH nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu được tính vào CP SXKD trong kỳ.**

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

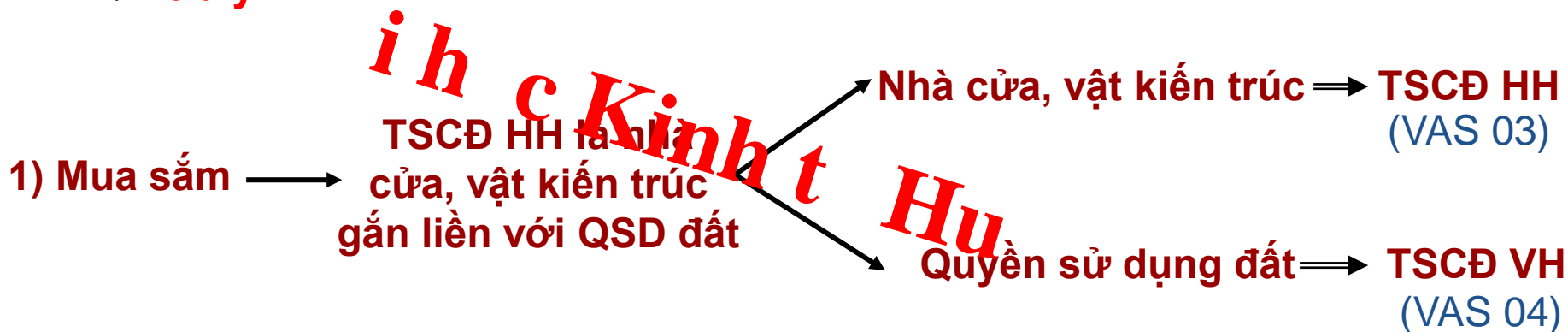
XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TSCĐ

XÁC ĐỊNH NGUYÊN GIÁ TSCĐ

❖ Trường hợp mua ngoài:

$$\text{NG do mua sắm} = \text{Giá mua} + \text{Thuế không được hoàn} + \text{CP liên quan trực tiếp khác}$$

⚡ Lưu ý:



TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TSCĐ

XÁC ĐỊNH NGUYÊN GIÁ TSCĐ

2) Trường hợp TSCĐ HH mua sắm được thanh toán theo phương thức trả góp:

NG mua trả góp = Giá mua trả ngay tại thời điểm mua tài sản

Chênh lệch giữa số tiền phải trả - giá mua trả ngay

i h c Kinh t Hu

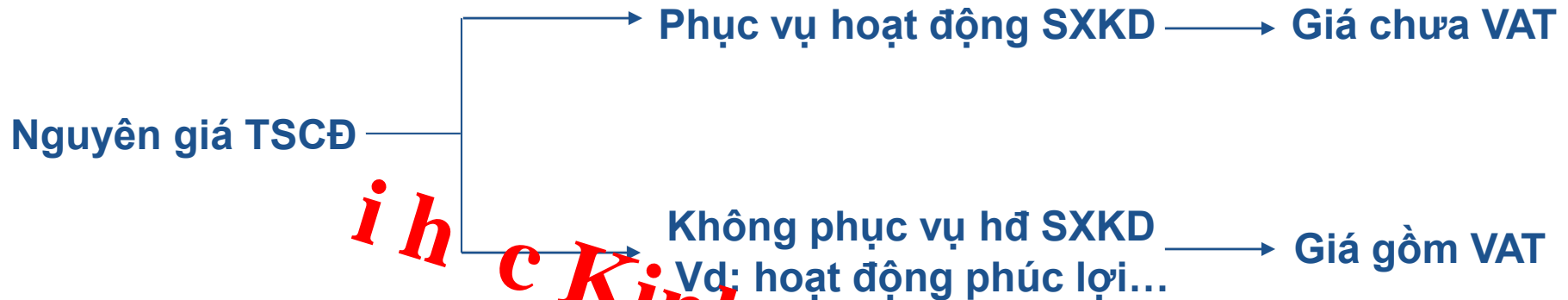
Hạch toán vào CP tài chính theo kỳ hạn thanh toán
(Trừ khi được tính vào NG (vốn hóa) theo CMKT 16 – “CP đi vay”)

XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TSCĐ

XÁC ĐỊNH NGUYÊN GIÁ TSCĐ

3) Về thuế GTGT (VAT):

- Đối với DN nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ:



- Đối với DN nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp:

Nguyên giá TSCĐ mua về là giá đã bao gồm VAT

KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

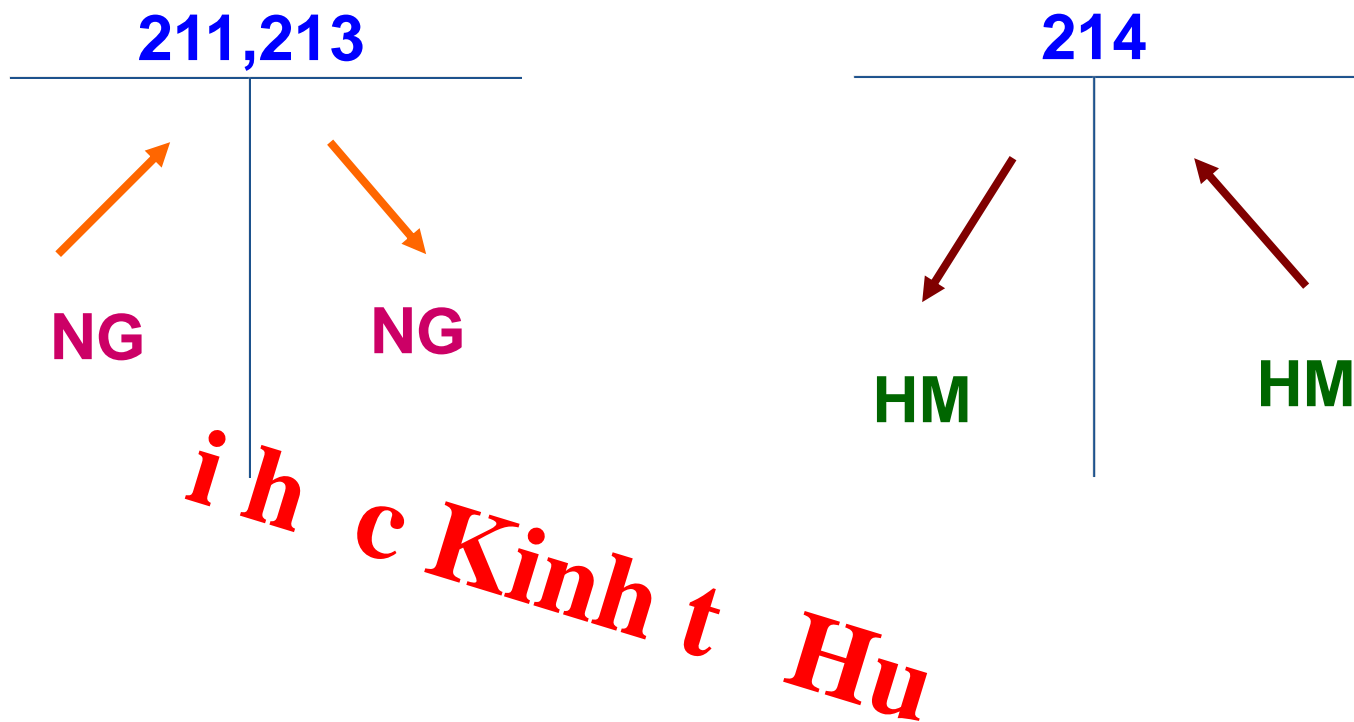
KẾ TOÁN TĂNG TSCĐ

- 1 KT tăng TSCĐ do mua sắm
- 2 KT tăng TSCĐ do tự chế/ đầu tư XD CB
- 3 KT tăng TSCĐ do nhận tài trợ, biếu, tặng
- 4 KT tăng TSCĐ do được cấp, nhận góp vốn
- 5 KT tăng TSCĐ do chuyển đổi MĐSD

Thư viện Kinh tế Hu

KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

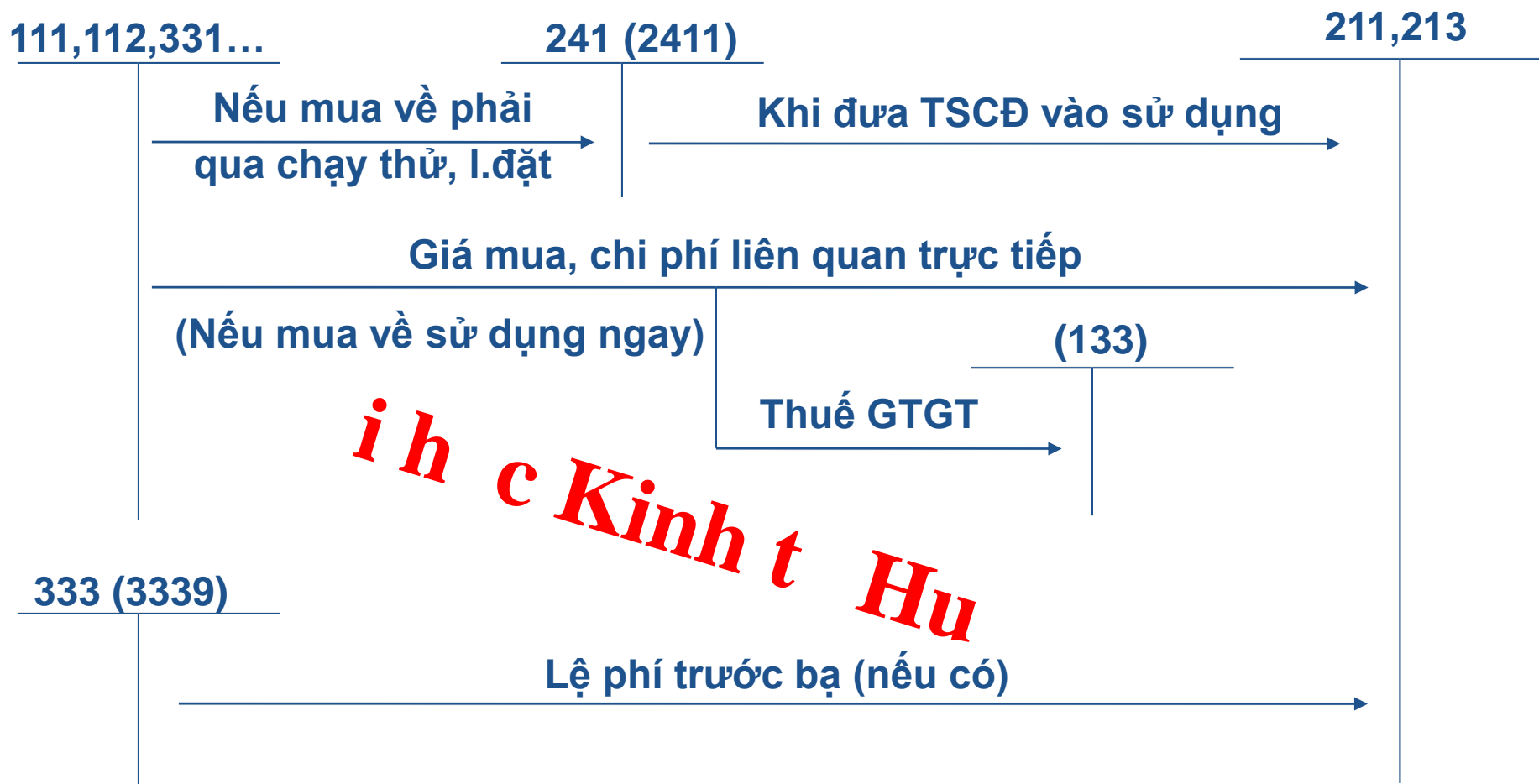
TÀI KHOẢN SỬ DỤNG



KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

KẾ TOÁN TĂNG TSCĐ

❖ Tăng TSCĐ do mua sắm:



KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

KẾ TOÁN TĂNG TSCĐ

Nếu TSCĐ được mua từ nguồn tài trợ khác NVKD thì ngoài bút toán ghi nhận tăng NG TSCĐ, KT phải thực hiện bút toán chuyển nguồn:



Nếu TSCĐ được đầu tư bằng QPL và phục vụ cho h.động PL:



KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

KẾ TOÁN TĂNG TSCĐ

❖ Tăng TSCĐ do mua trả góp:



KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

KẾ TOÁN TĂNG TSCĐ

❖ Tăng TSCĐ do đầu tư XD CB:

111,152,153,331...

241 (2412)

211,213

CP phí mua và
XD TSCĐ

Quá trình xây dựng hoàn thành

632

ih c Kinh t Hu
CP không hợp lý (sau khi
trả hồi thường)

KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

KẾ TOÁN GIẢM TSCĐ

- 1 KT giảm TSCĐ do thanh lý, nhượng bán
- 2 KT giảm TSCĐ chuyển thành CCDC
- 3 KT giảm TSCĐ do chuyển đổi MĐSD
- 4 KT giảm TSCĐ do phát hiện thiếu trong kk

ih c Kinh t Hu

KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

CHỨNG TỪ HẠCH TOÁN

- Hoá đơn bán TSCĐ
- Biên bản giao nhận TSCĐ
- Biên bản kiểm kê TSCĐ
- Biên bản thanh lý, nhượng bán...

TÀI KHOẢN SỬ DỤNG

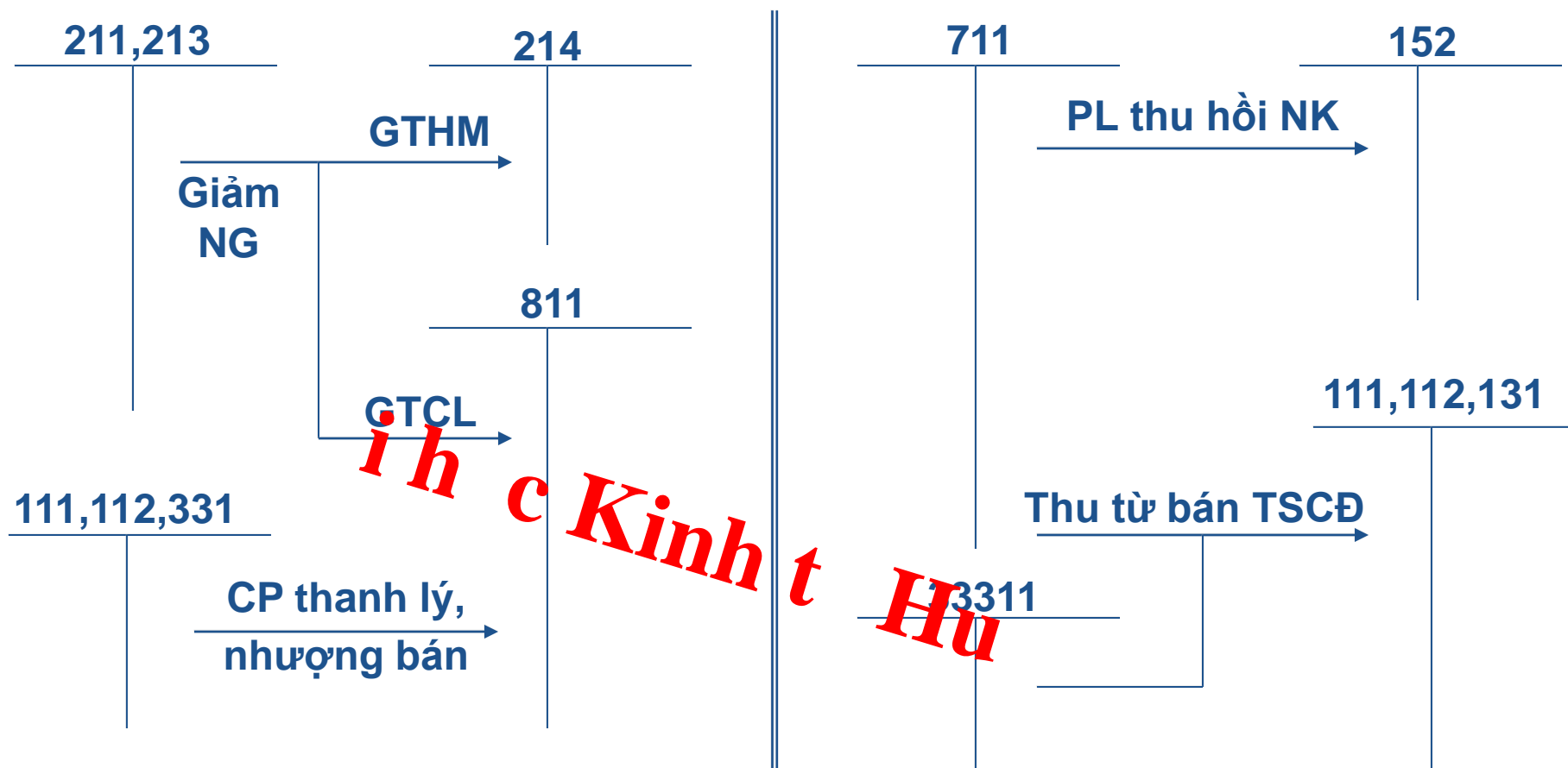
- Các TK phản ảnh TSCĐ
- TK 711 – Thu nhập khác
- TK 811 – Chi phí khác

ích Kinh t Hu

KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

KẾ TOÁN GIẢM TSCĐ

❖ Giảm TSCĐ do thanh lý, nhượng bán:



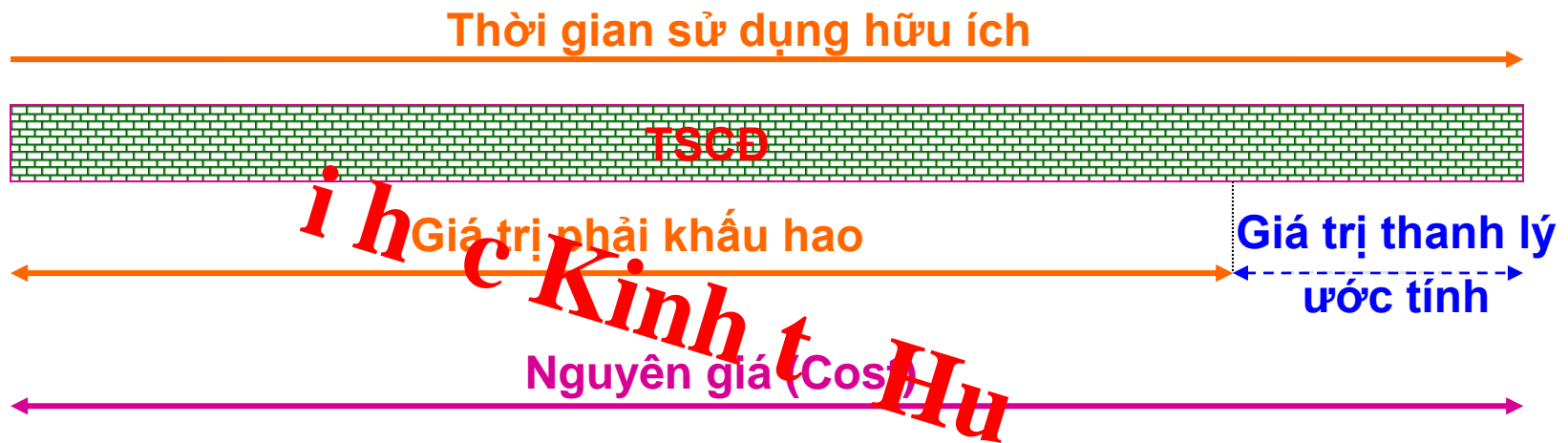
KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

KẾ TOÁN KHẤU HAO TSCĐ

✚ **Định nghĩa:**

Khấu hao TSCĐ là việc phân bổ một cách có hệ thống **giá trị phải khấu hao** của TSCĐ trong suốt **thời gian sử dụng hữu ích** của tài sản đó

Giá trị phải khấu hao = Nguyên giá – Giá trị thanh lý ước tính



Giá trị thanh lý ước tính = Giá trị ước tính thu khi thanh lý – CP thanh lý ước tính

KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

KẾ TOÁN KHẤU HAO TSCĐ

Phương pháp khấu hao

1. PP khấu hao đường thẳng

2. PP khấu hao theo số dư giảm dần

3. PP khấu hao theo sản lượng

ih e Kinh t Hu

KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

KẾ TOÁN KHẤU HAO TSCĐ

PP khấu hao đường thẳng

Mức khấu hao (năm) = NG TSCĐ x Tỷ lệ khấu hao (năm)

Tỷ lệ khấu hao (năm) = $\frac{1}{\text{Số năm sử dụng hữu ích của tài sản}}$

Mức khấu hao (tháng) = $\frac{\text{Mức khấu hao (năm)}}{12}$

Mức khấu hao (ngày) = $\frac{\text{Mức khấu hao (tháng)}}{\text{Số ngày của tháng}}$

KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

KẾ TOÁN KHẤU HAO TSCĐ

PP khấu hao theo số dư giảm dần

Mức trích khấu hao hàng năm của tài sản cố định	=	Giá trị còn lại của tài sản cố định đầu năm	x	Tỷ lệ khấu hao nhanh
---	---	---	---	----------------------

Tỷ lệ khấu hao nhanh (%)	=	Tỷ lệ khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng	x	Hệ số điều chỉnh
--------------------------	---	---	---	------------------

Thời gian trích khấu hao của tài sản cố định	Hệ số điều chỉnh (lần)
Đến 4 năm ($t \leq 4$ năm)	1,5
Trên 4 ($t > 4$ năm)	2,0

Thị trường Kinh tế Hu

KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

KẾ TOÁN KHẤU HAO TSCĐ

PP khấu hao theo sản lượng

Mức trích khấu hao
trong tháng của
TSCĐ

=

Số lượng SP
sản xuất
trong tháng

X

Mức trích khấu
hao bình quân
tính cho một đơn
vị SP

Mức trích khấu hao bình
quân cho một đơn vị SP

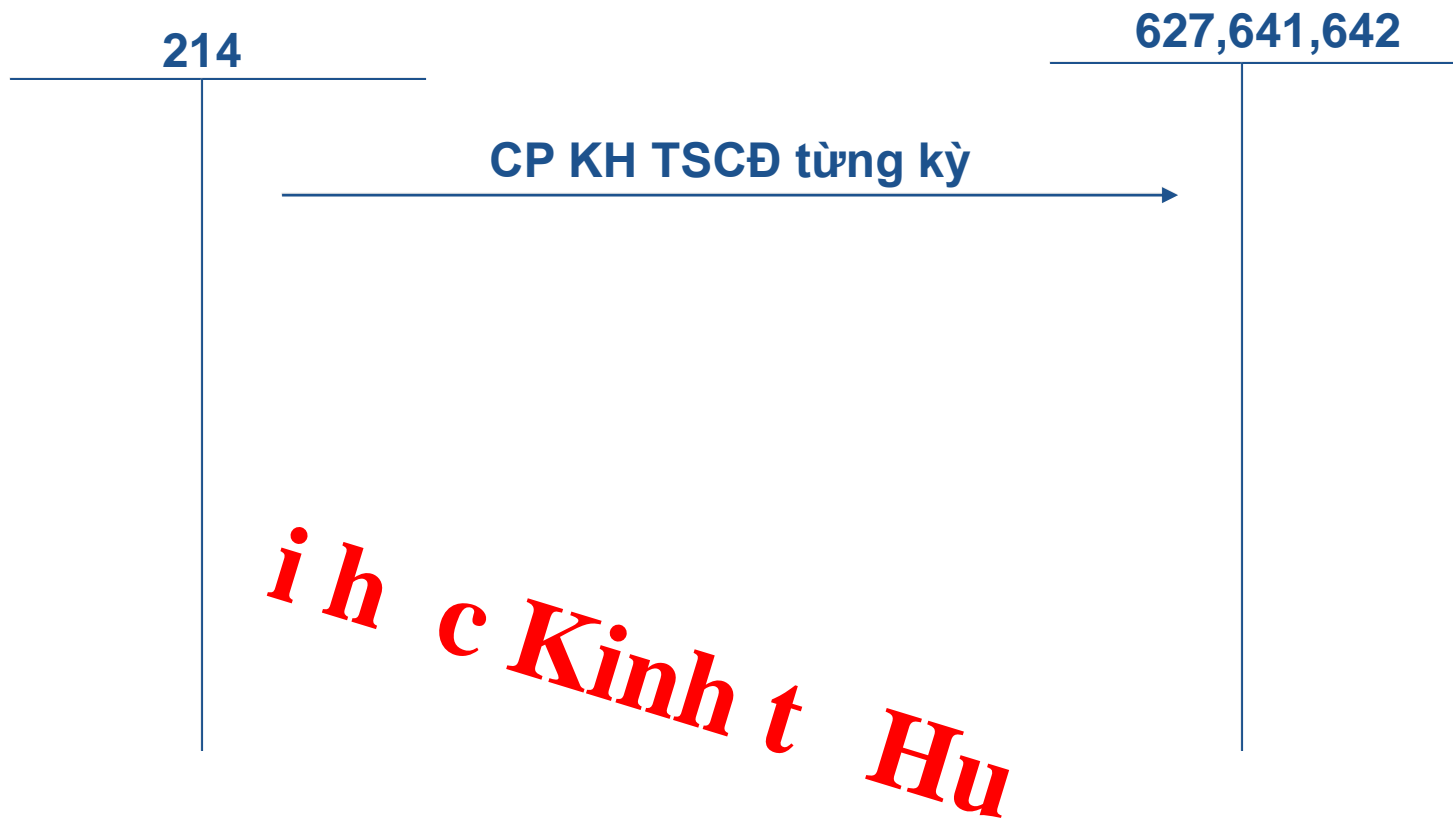
=

Nguyên giá của TSCĐ
SL theo CS thiết kế

thực Kinh tế Hu

KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

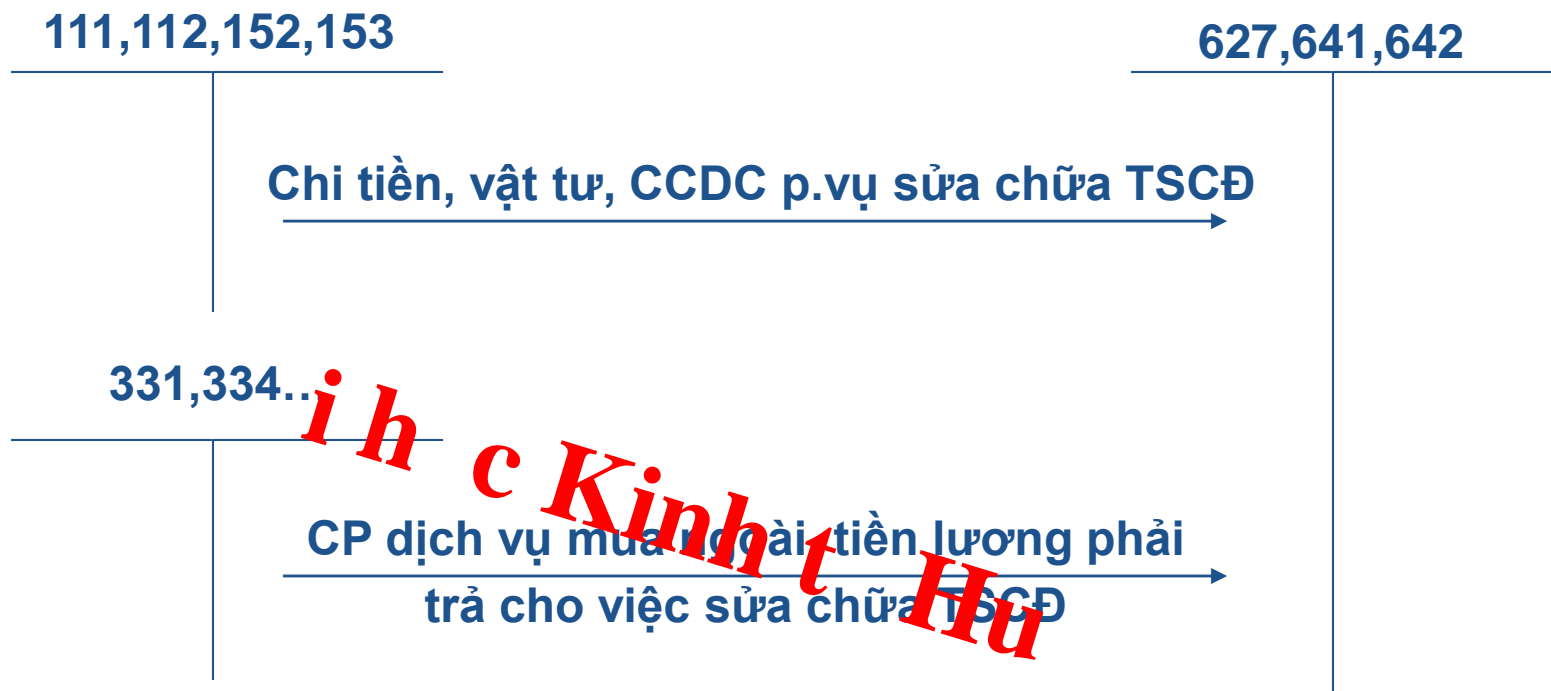
KẾ TOÁN KHẤU HAO TSCĐ



KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

CHI PHÍ PHÁT SINH SAU GHI NHẬN BAN ĐẦU

❖ Chi phí sửa chữa thường xuyên TSCĐ:



KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

CHI PHÍ PHÁT SINH SAU GHI NHẬN BAN ĐẦU

❖ Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ:

111,112,331...

2413

211,213

CP p.sinh sau ghi
nhận ban đầu

CPPSSGNBĐ đủ điều
kiện ghi tăng nguyên giá

627,641,642

Nếu g.trị nhỏ

CPPSSGNBĐ không
thỏa mãn đ.kiện ghi
tăng nguyên giá TSCĐ

242

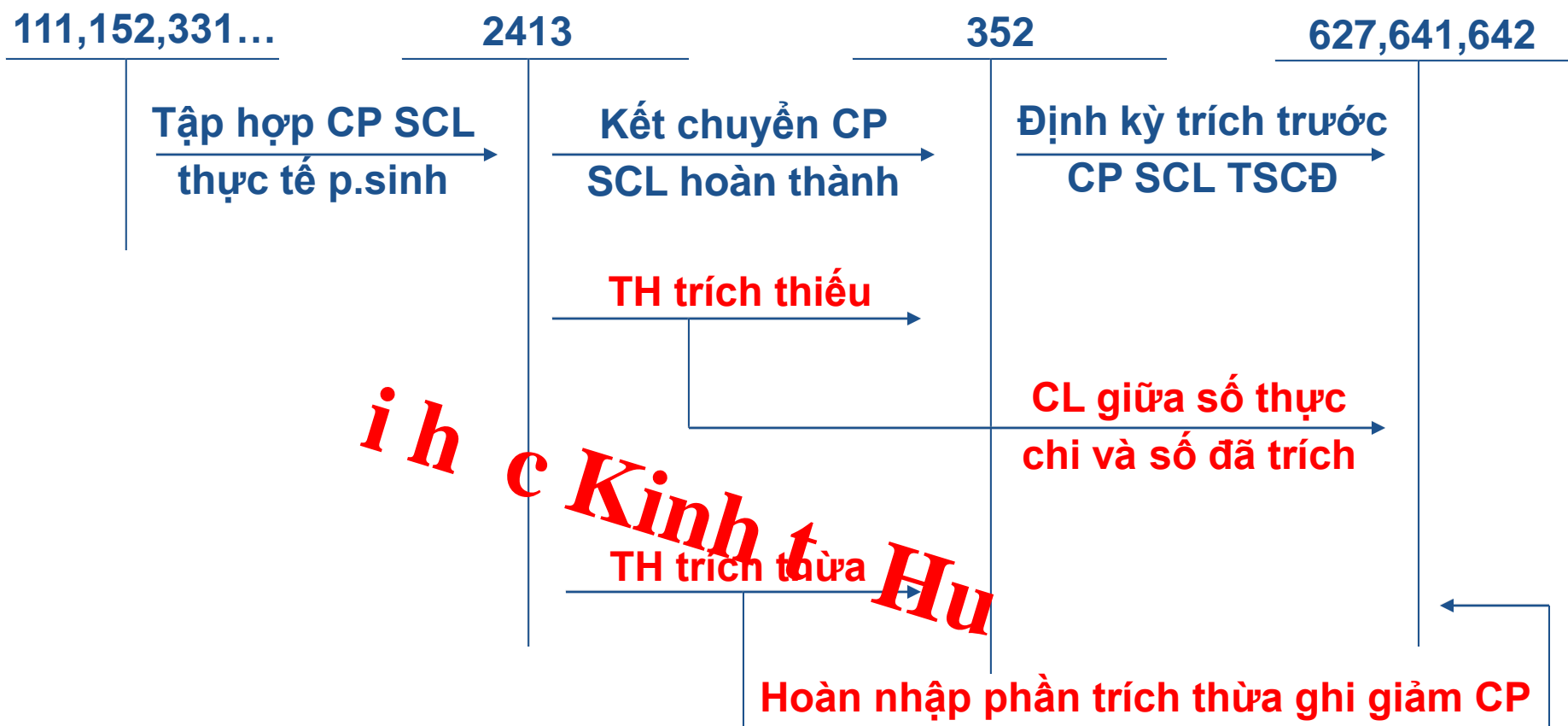
Nếu g.trị lớn

ih c Kinh t Hu

KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

CHI PHÍ PHÁT SINH SAU GHI NHẬN BAN ĐẦU

❑ Trường hợp trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ:



TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BCĐKT

B. TSDH

II. Tài sản cố định

1. TSCĐ hữu hình

- Nguyên giá
- Giá trị HMLK

2. TSCĐ vô hình

- Nguyên giá
- Giá trị HMLK

TMBCTC

1. PP xác định NG

2. PP khấu hao, TGSD hữu ích

3. NG, HMLK, GTCL

4. Các thay đổi về TSCĐ....

l h c Kinh t Hu

CHƯƠNG 5

KẾ TOÁN NỢ PHẢI TRẢ & VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thị trường Kinh tế Hu

- Khái niệm, phân loại nợ phải trả
- Kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu về nợ phải trả
- Khái niệm, phân loại vốn CSH
- Kế toán vốn đầu tư của CSH
- Kế toán phân phối lợi nhuận
- Trình bày báo cáo tài chính



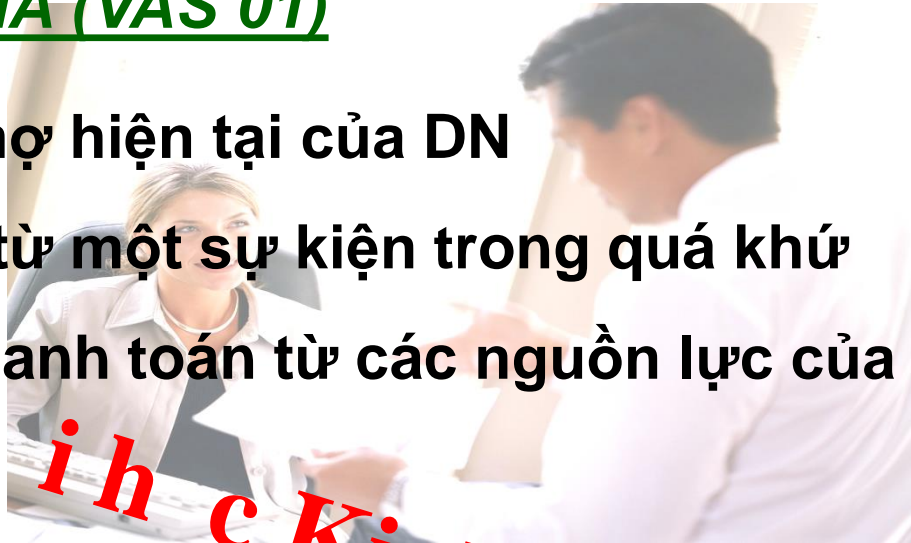
Hệ thống Kế toán Tài chính

KẾ TOÁN NỢ PHẢI TRẢ

KHÁI NIỆM

ĐỊNH NGHĨA (VAS 01)

- Nghĩa vụ nợ hiện tại của DN
- Phát sinh từ một sự kiện trong quá khứ
- DN phải thanh toán từ các nguồn lực của mình



hiện tại Kinh tế Hu

KẾ TOÁN NỢ PHẢI TRẢ

PHÂN LOẠI

➤ Theo nội dung kinh tế:

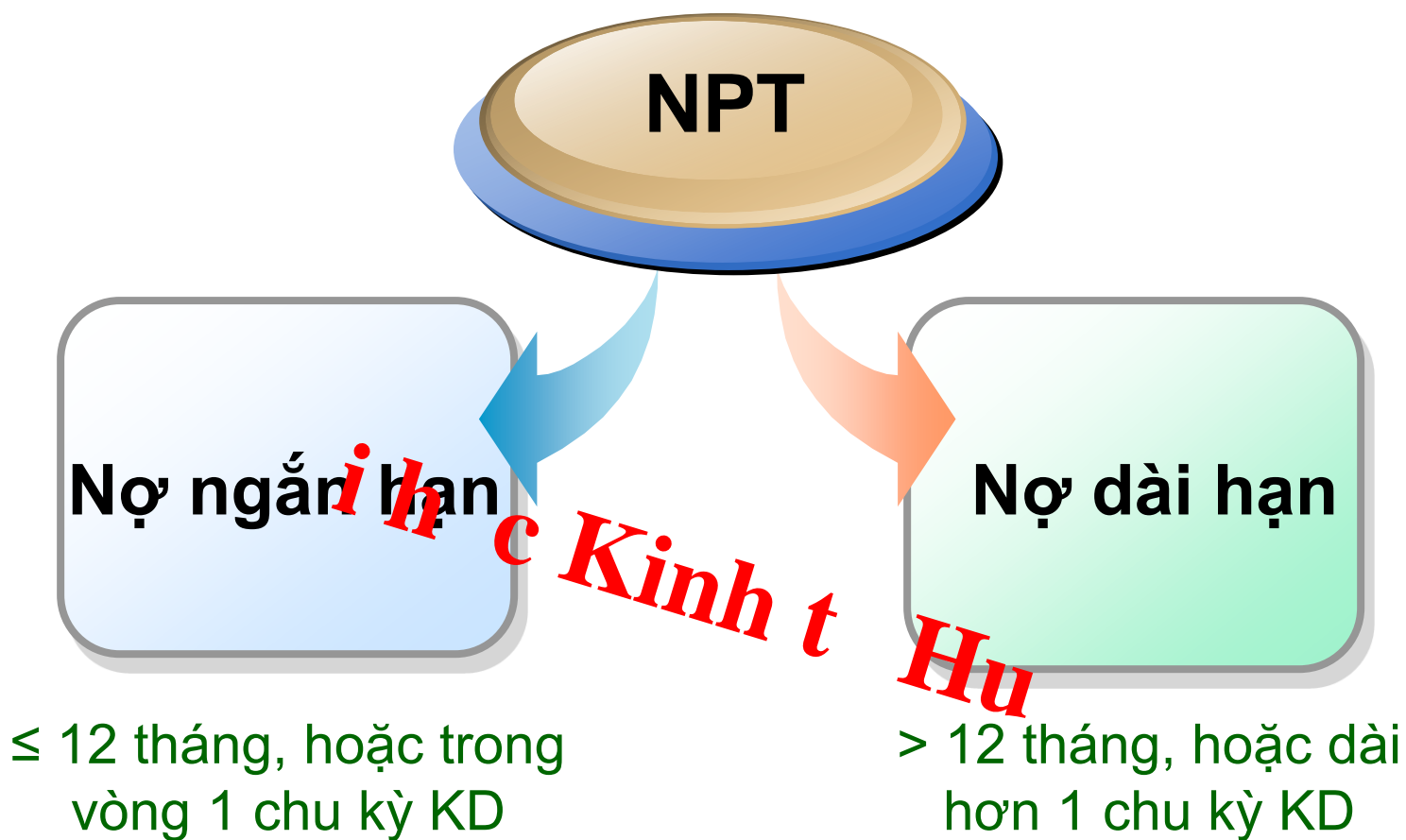
1. Các khoản phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu
2. Tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng phải trả cho NLĐ
3. Chi phí phải trả
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước
5. Các khoản phải trả do nhận ký cược, ký quỹ
6. Các khoản tiền vay, nợ
7. Các khoản phải trả nội bộ
8. Trái phiếu phát hành
9. Dự phòng phải trả
10. Các khoản phải trả khác...

Chức Kinh t Hu

KẾ TOÁN NỢ PHẢI TRẢ

PHÂN LOẠI

Phân loại khi lập báo cáo tài chính:



KẾ TOÁN NỢ PHẢI TRẢ

KẾ TOÁN PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Chứng từ hạch toán:

- Hoá đơn GTGT, hoá đơn bán hàng
- Phiếu chi, GBN
- Biên bản nhận nợ, biên bản đối chiếu công nợ...

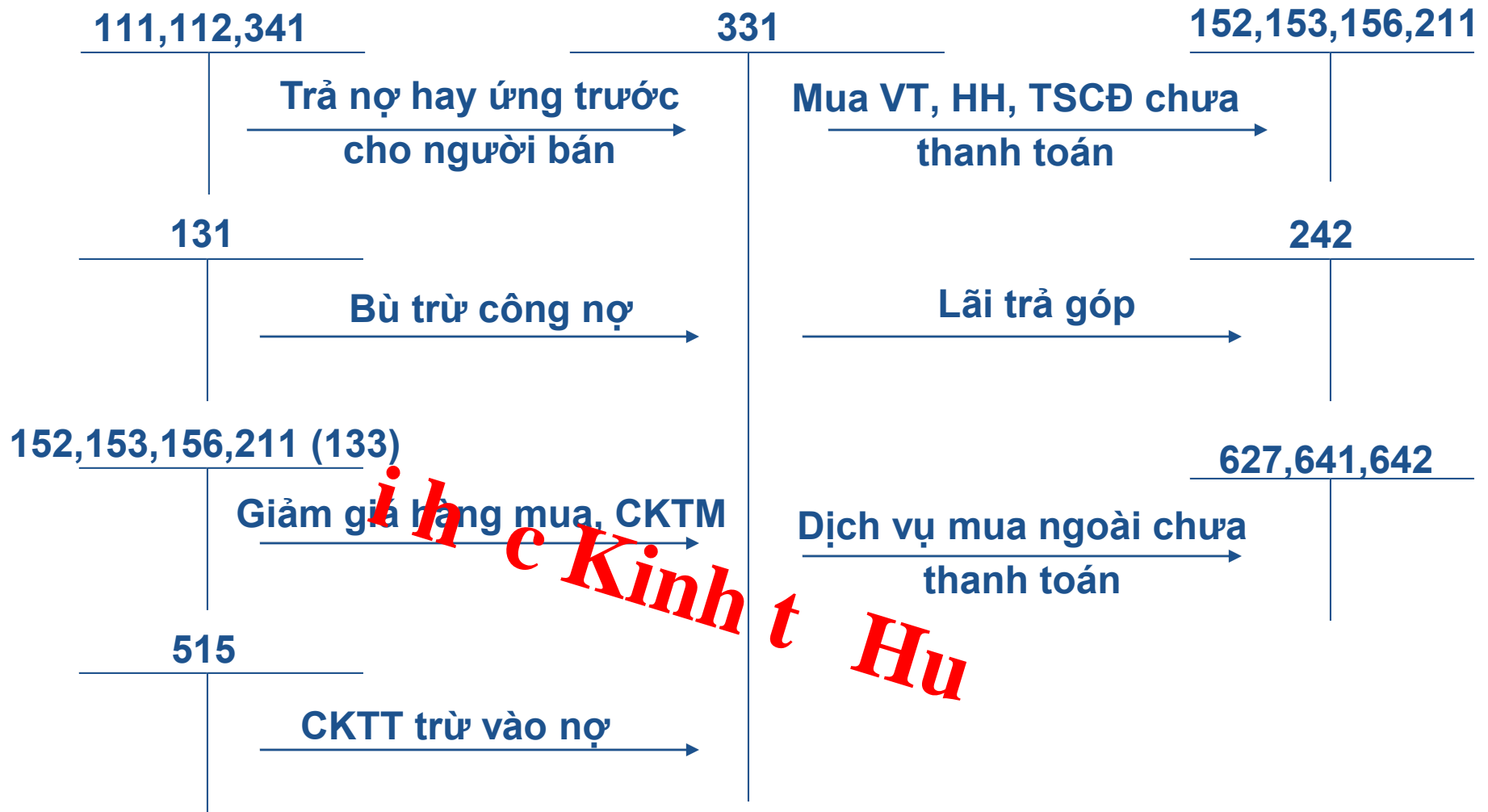
Tài khoản sử dụng:

TK 331 – Phải trả người bán

hệ thống Kế toán Hu

KẾ TOÁN NỢ PHẢI TRẢ

KẾ TOÁN NỢ PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN



Thị trường Kinh tế Hu



KẾ TOÁN NỢ PHẢI TRẢ

KẾ TOÁN PHẢI TRẢ NLĐ VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG

□ Các khoản phải trả người lao động:

- Tiền lương
- Tiền thưởng
- Các khoản phụ cấp
- Bảo hiểm xã hội phải trả cho người LĐ...

hệ thống Kế toán Hu



KẾ TOÁN NỢ PHẢI TRẢ

KẾ TOÁN PHẢI TRẢ NLĐ VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG

Các khoản trích theo lương:

- ✓ Quỹ bảo hiểm xã hội
- ✓ Quỹ bảo hiểm y tế
- ✓ Quỹ Kinh phí công đoàn
- ✓ Quỹ bảo hiểm thất nghiệp

h c Kinh t Hu

KẾ TOÁN NỢ PHẢI TRẢ

KẾ TOÁN PHẢI TRẢ NLĐ VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG

❖ Chứng từ hạch toán:

- Bảng chấm công, Phiếu xác nhận sp hoặc công việc hoàn thành
- Hợp đồng giao khoán, Phiếu báo làm thêm giờ, GXN nghỉ hưởng BHXH
- Bảng thanh toán tiền lương, bảng thanh toán tiền thưởng...

❖ Tài khoản sử dụng:

TK 334 – Phải trả NLĐ

TK 338 – Phải trả khác

TK 3382 – KPCĐ

TK 3383 – BHXH

TK 3384 – BHYT

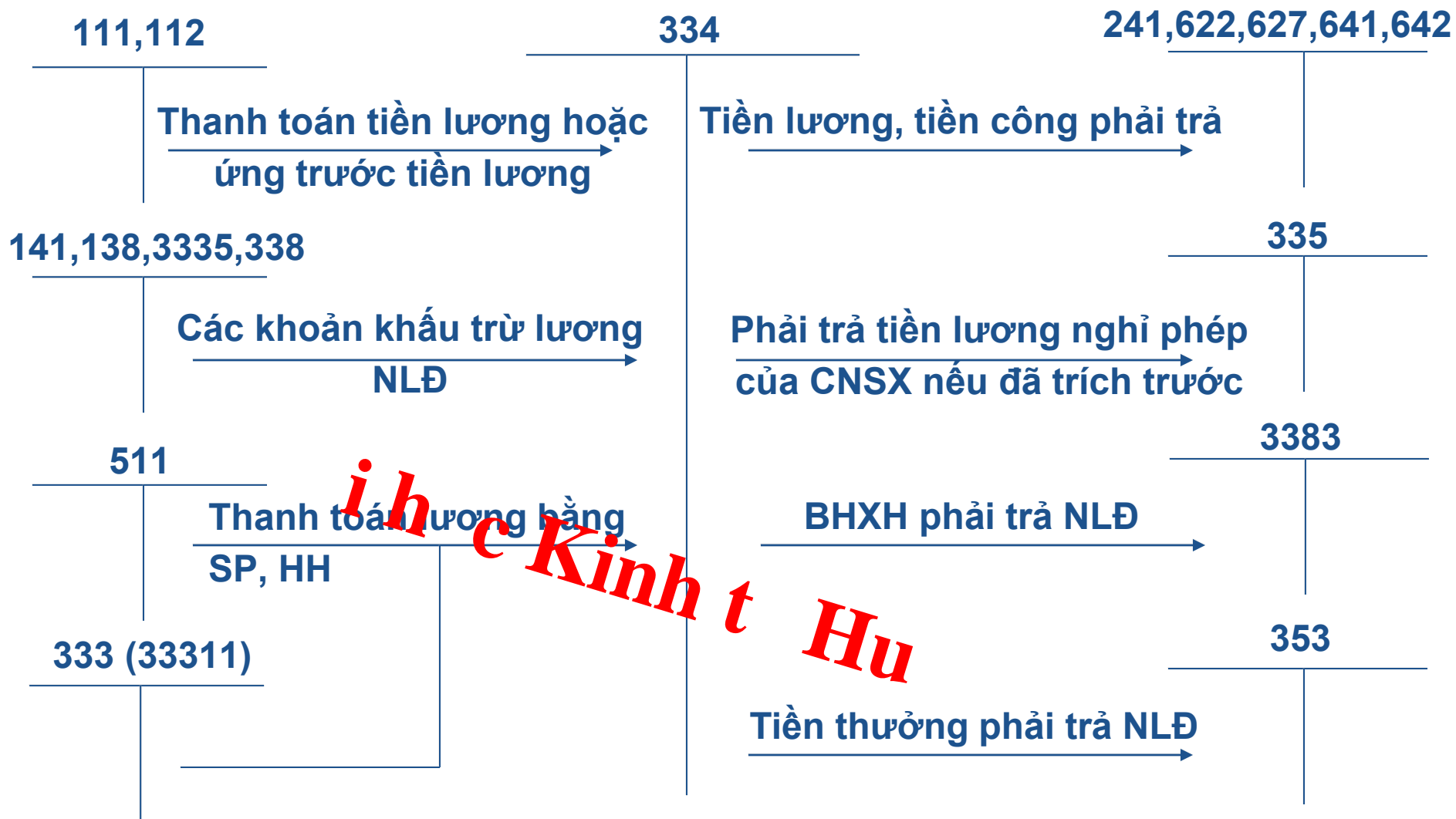
TK 3386 - BHTN

ih
o Kinh t
Hu



KẾ TOÁN NỢ PHẢI TRẢ

KẾ TOÁN PHẢI TRẢ NLĐ VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG



ih c Kinh t Hu



KẾ TOÁN NỢ PHẢI TRẢ

KẾ TOÁN PHẢI TRẢ NLĐ VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG



TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BCĐKT

A. NỢ PHẢI TRẢ

I. NPT ngắn hạn

II. NPT dài hạn

ihc Kinh t Hu



KẾ TOÁN VỐN CHỦ SỞ HỮU

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Khái niệm vốn chủ sở hữu:

- Là phần giá trị tài sản còn lại của DN sau khi trả hết các khoản nợ;
- Vốn chủ sở hữu không phải là một khoản nợ.

ih c Kinh t Hu

KẾ TOÁN VỐN CHỦ SỞ HỮU

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

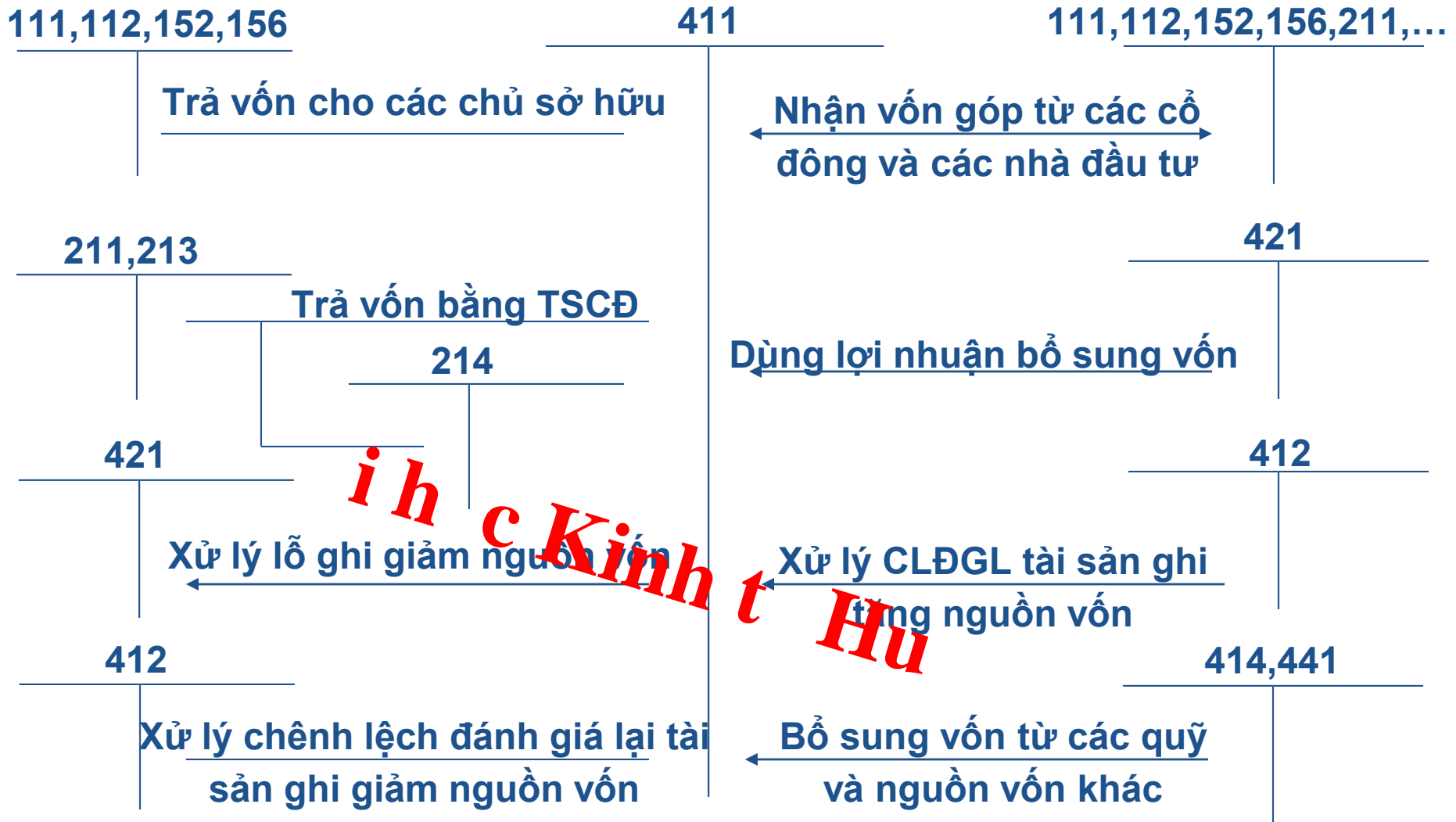
Các bộ phận của vốn chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Thặng dư vốn cổ phần
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản
- Chênh lệch đánh giá lại tỷ giá
- Cổ phiếu quỹ
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
- Các quỹ
- Nguồn kinh phí, quỹ khác...

Hệ thống Kế toán Hu

KẾ TOÁN VỐN CHỦ SỞ HỮU

KẾ TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU



KẾ TOÁN VỐN CHỦ SỞ HỮU

KẾ TOÁN LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

- Nguyên tắc phân phối lợi nhuận:
- ✓ Định kỳ (tháng, quý): tạm phân phối lợi nhuận theo kế hoạch.
- ✓ Cuối năm tài chính, quyết toán lợi nhuận năm và phân phối theo quyết định của CSH:
 - Bù lỗ.
 - Chia cổ tức, chia lãi.
 - Phân phối cho các quỹ theo quyết định.

Thư Kính t Hu

KẾ TOÁN VỐN CHỦ SỞ HỮU

KẾ TOÁN LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

NGUỒN VỐN

B- Vốn chủ sở hữu

hiệu Kinh tế Hu

CHƯƠNG 6

KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

Thư viện Kinh tế Hu

KHÁI NIỆM

Chi phí là biểu hiện bằng tiền của các hao phí về tài sản, lao động liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Giải thích khái niệm:

- Hao phí về tài sản (tiền, vật liệu, tài sản cố định...), lao động;
- Được đo lường bằng tiền để có thể tổng hợp;
- Gắn liền với hoạt động sản xuất, kinh doanh (hoạt động chế tạo sản phẩm (3), hoạt động quản lý (4), điều hành, tiêu thụ (5)...) *thực tế Kinh tế Hu*



- ❖ Giá thành sản phẩm là tổng chi phí sản xuất liên quan đến khối lượng sản phẩm hoàn thành.

ihc Kinh tế Hu

GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

- Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm có cùng bản chất kinh tế là hao phí trong quá trình sản xuất sản phẩm.
- Khác nhau về thời kỳ, phạm vi, giới hạn.

CPSX của SPDD ĐK



Giá thành sản phẩm hoàn thành

thị trường
Kinh tế
Hu

Giá thành sản phẩm

Kế toán tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất

CHỨNG TỪ

- ❖ Phiếu xuất kho
- ❖ Bảng tính, phân bổ khấu hao
- ❖ Bảng tính lương, biên bản xác nhận SP hoàn thành
- ❖ Hóa đơn dịch vụ mua ngoài
- ❖ Bảng phân bổ chi phí...

TÀI KHOẢN (KKTX)

ích Kinh t

621	
×	
↗	↘
×	

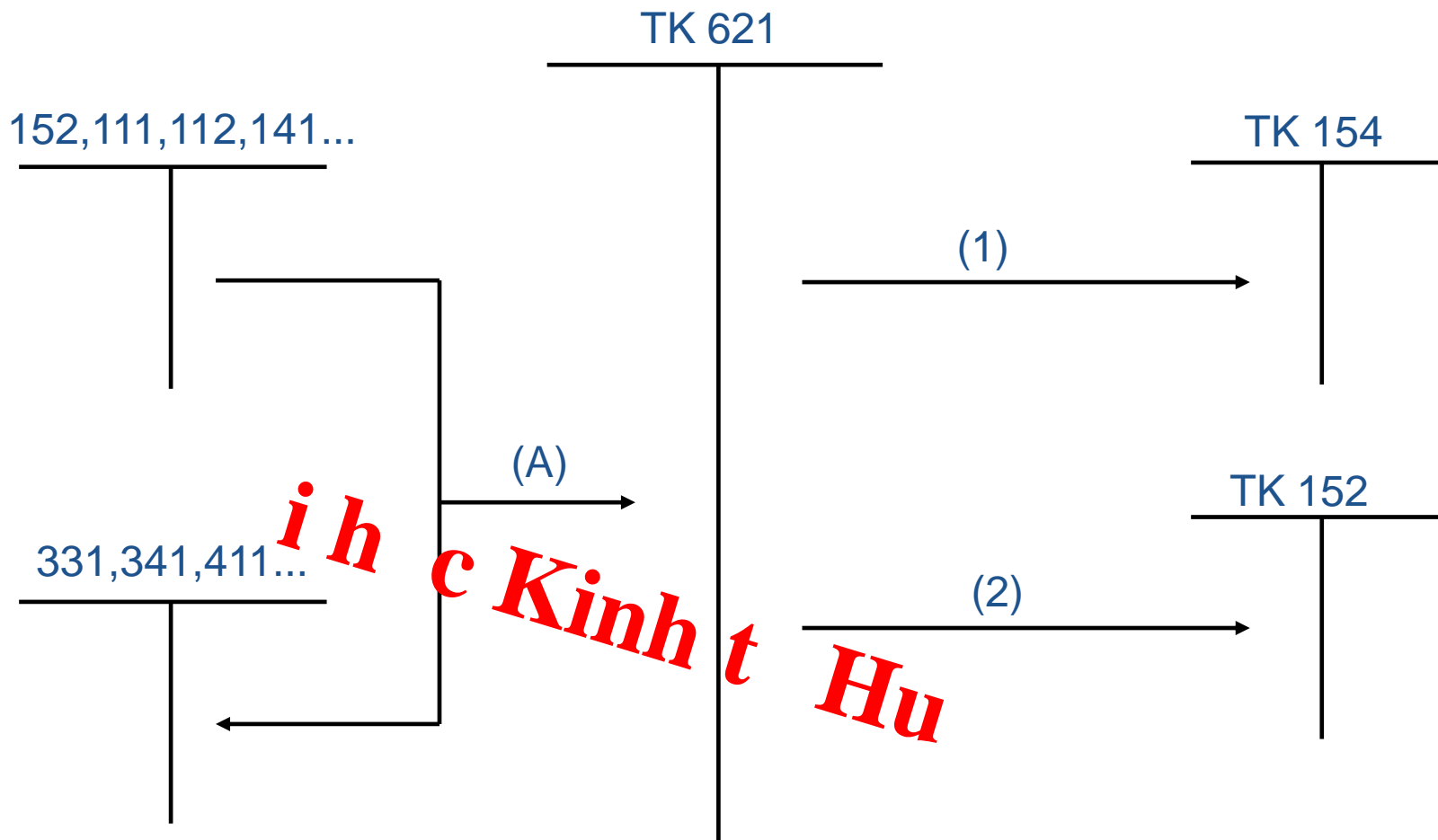
627	
×	
↗	↘
×	

627	
×	
↗	↘
×	

154	
DDĐK	
↗	↘
DDCK	

Kế toán tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất

KẾ TOÁN CHI PHÍ NVL TRỰC TIẾP (KKTX)



KẾ TOÁN CHI PHÍ NVL TRỰC TIẾP (KCTX)

Ví dụ 1. Doanh nghiệp sản xuất đồ gỗ, hạch toán HTK theo phương pháp KCTX, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, trong kỳ có tài liệu sau:

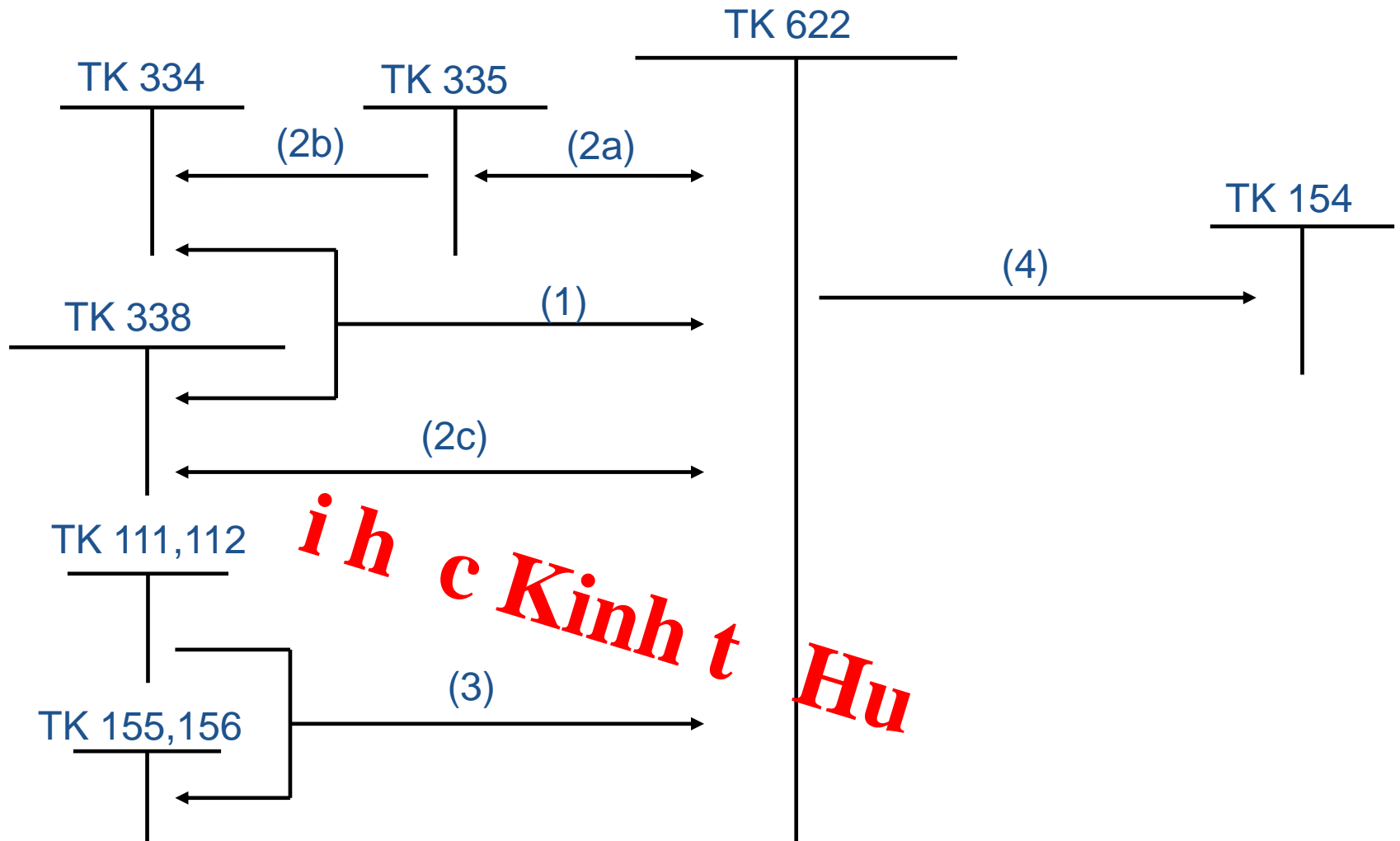
Phiếu xuất kho gỗ xẻ đưa vào sản xuất sản phẩm, giá xuất kho 50.000.000đ. Cuối kỳ phân xưởng gỗ báo cáo: gỗ chưa sử dụng hết 5.000.000đ, gỗ phế liệu nhập kho 100.000đ. Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ trước 2.000.000đ.

Hóa đơn GTGT (đã thanh toán bằng tiền mặt) mua đinh và sơn đưa vào để sản xuất sản phẩm, giá thanh toán 11.000.000đ, gồm thuế GTGT 10%. Cuối kỳ số sơn không sử dụng hết đã nhập kho vật liệu phụ 500.000đ.

Hãy tập hợp chi phí NVLTT cho DN trên.

Kế toán tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất

KẾ TOÁN CHI PHÍ NHÂN CÔNG TRỰC TIẾP (KKTĐ)



Kế toán tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất

KẾ TOÁN CHI PHÍ NHÂN CÔNG TRỰC TIẾP (KKTXT)

Ví dụ 2. Tiếp theo ví dụ 1, trong kỳ có tình hình về chi phí sử dụng lao động như sau:

- Quỹ tiền lương chính 20.000.000đ, trong đó:
- Phải trả công nhân sản xuất 15.000.000đ
- Phải trả nhân viên quản lý phân xưởng 1.000.000đ
- Phải trả nhân viên quản lý doanh nghiệp 4.000.000đ

Quỹ tiền lương phụ (lương trong thời gian nghỉ phép năm) 5.000.000đ, trong đó:

- Phải trả công nhân sản xuất 4.500.000đ (lấy từ nguồn trích trước)
- Phải trả nhân viên quản lý phân xưởng 100.000đ
- Phải trả nhân viên quản lý doanh nghiệp 400.000đ

Trích các khoản trích theo lương theo tỷ lệ 23,5% tính vào chi phí sản xuất kinh doanh.

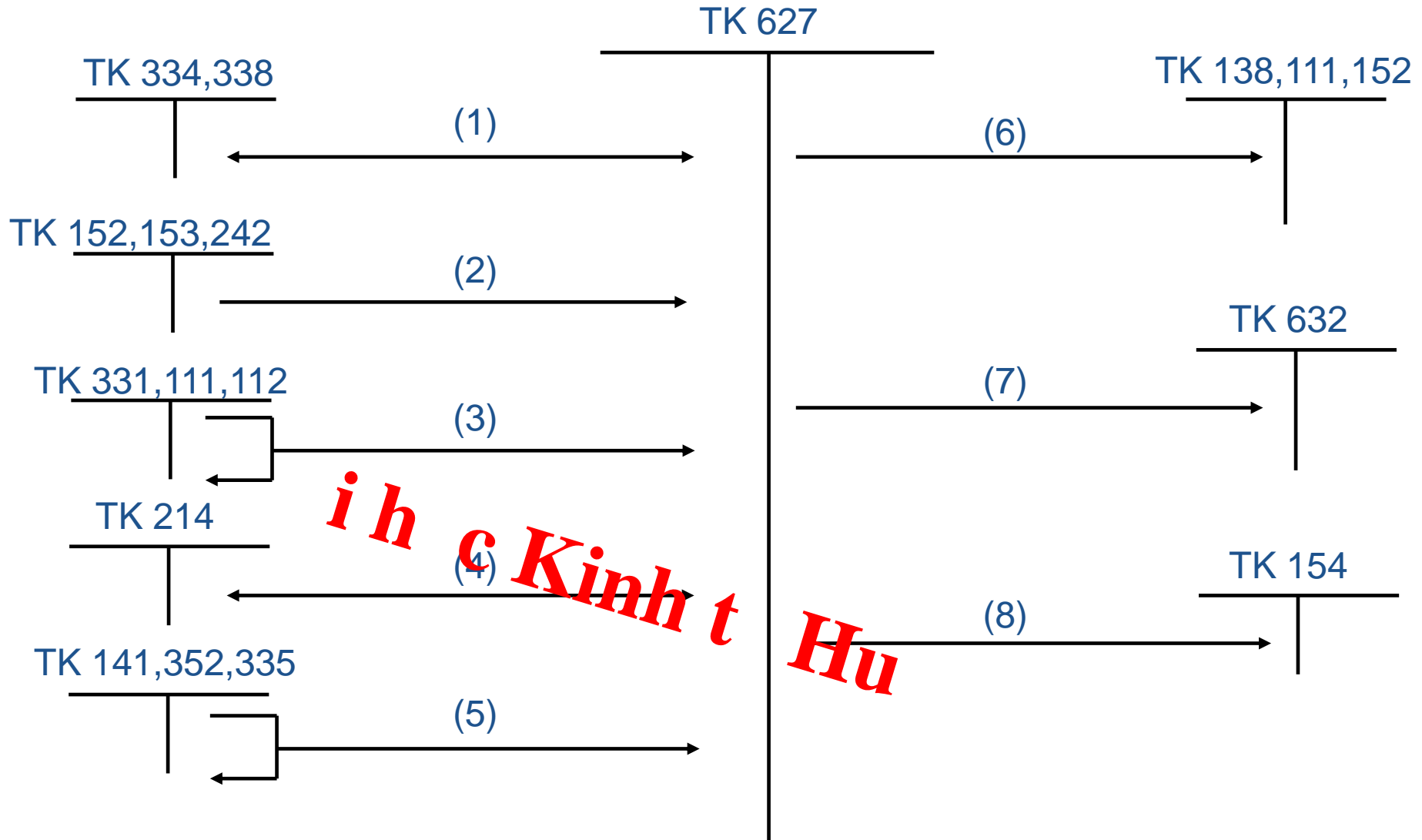
Trích trước tiền lương nghỉ phép cho công nhân sản xuất theo kế hoạch: 5% tiền lương chính.

Hãy tập hợp chi phí nhân công trực tiếp cho DN trên.



Kế toán tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất

KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG (KKTX)



Kế toán tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất

KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG (KCTX)

Ví dụ 3. Tiếp theo ví dụ 1 và 2, các chi phí khác phát sinh trong kỳ như sau:

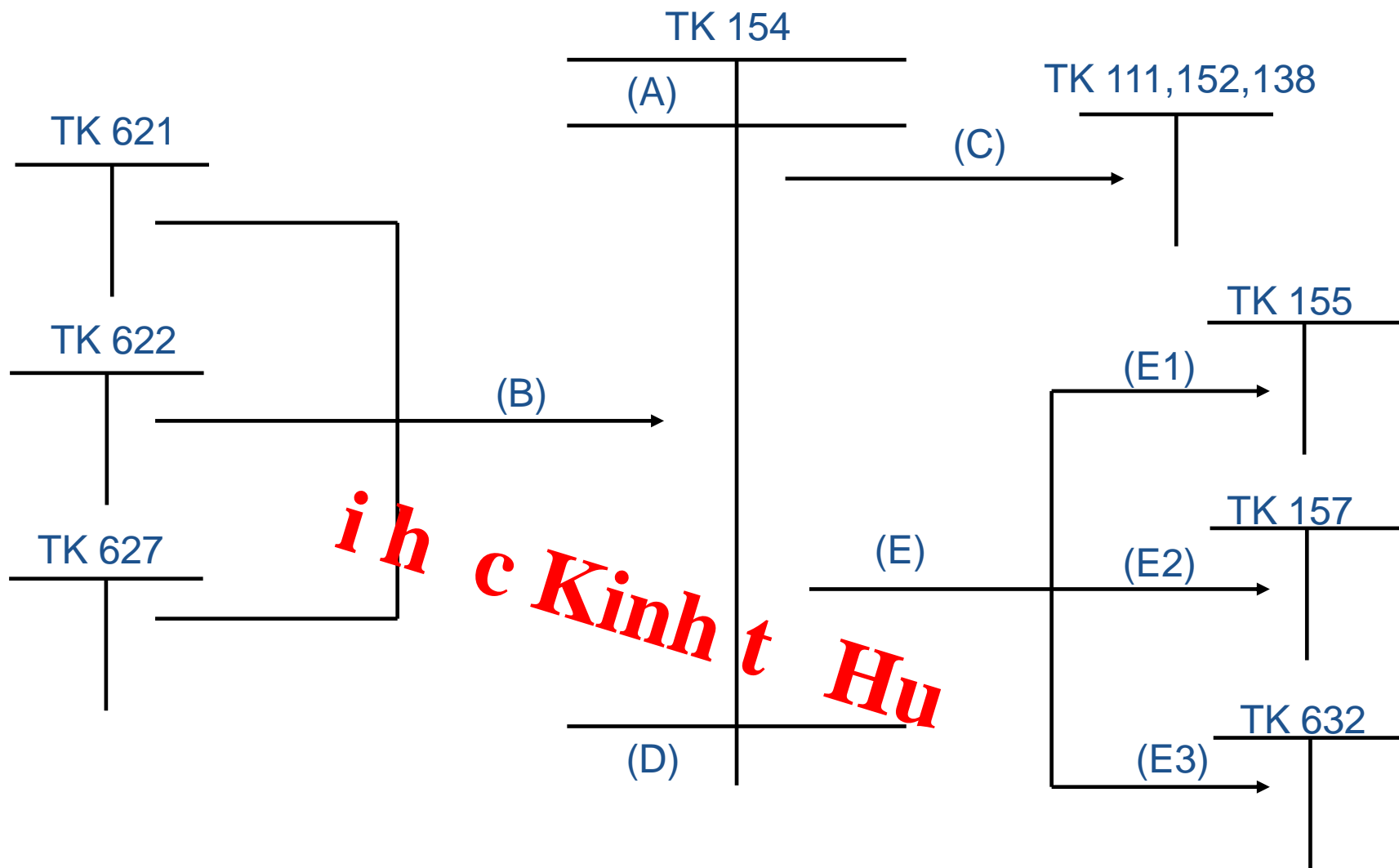
- Trích BPB khấu hao: máy móc và thiết bị sản xuất: 2.000.000đ, nhà xưởng và tài sản sử dụng trong văn phòng phân xưởng: 1.000.000đ
- Trích BPB dụng cụ sản xuất: 500.000đ
- Trích BPB vật liệu chạy máy sản xuất 600.000đ
- Hóa đơn chưa thanh toán: điện dùng trong phân xưởng 3.300.000đ (gồm thuế GTGT 10%), sửa chữa thường xuyên thiết bị sản xuất 5.250.000đ (gồm thuế GTGT 5%)
- Trích trước chi phí sửa chữa lớn máy cưa gỗ 1.500.000đ
- Phiếu chi tiền mặt mua VPP dùng ở phân xưởng 120.000đ
- Phiếu thu tiền bán phế liệu từ thanh lý DCSX 350.000đ
- Chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá thành 820.000đ

Hãy tập hợp chi phí sản xuất chung cho doanh nghiệp trên.



KẾ TOÁN TỔNG HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT

PHƯƠNG PHÁP KKTX



KẾ TOÁN TỔNG HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT

PHƯƠNG PHÁP KKTX

Ví dụ 4. Tiếp theo các ví dụ 1, 2 và 3, chi phí sản phẩm dở dang đầu kỳ và cuối kỳ là 6.500.000đ và 10.000.000đ. Sản phẩm hoàn thành đã nhập kho thành phẩm. Hãy tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cho DN trên.

ihc Kinh tế Hu

CHƯƠNG 7

KẾ TOÁN TIÊU THỤ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

Thư Viện Kinh Tế



MỘT SỐ KHÁI NIỆM

- ❖ **DOANH THU:** Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh **thông thường** của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.
- ❖ **CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU:** là các khoản phát sinh **sau khi doanh thu đã được ghi nhận**, bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, **chiết giảm giá hàng bán**.
- ❖ **GIÁ VỐN HÀNG BÁN:** là giá thành sản xuất của khối lượng sản phẩm tiêu thụ.
- ❖ **KẾT QUẢ KINH DOANH:** là phần còn lại của doanh thu và thu nhập **thuần** sau khi bù đắp tất cả các khoản chi phí kinh doanh.

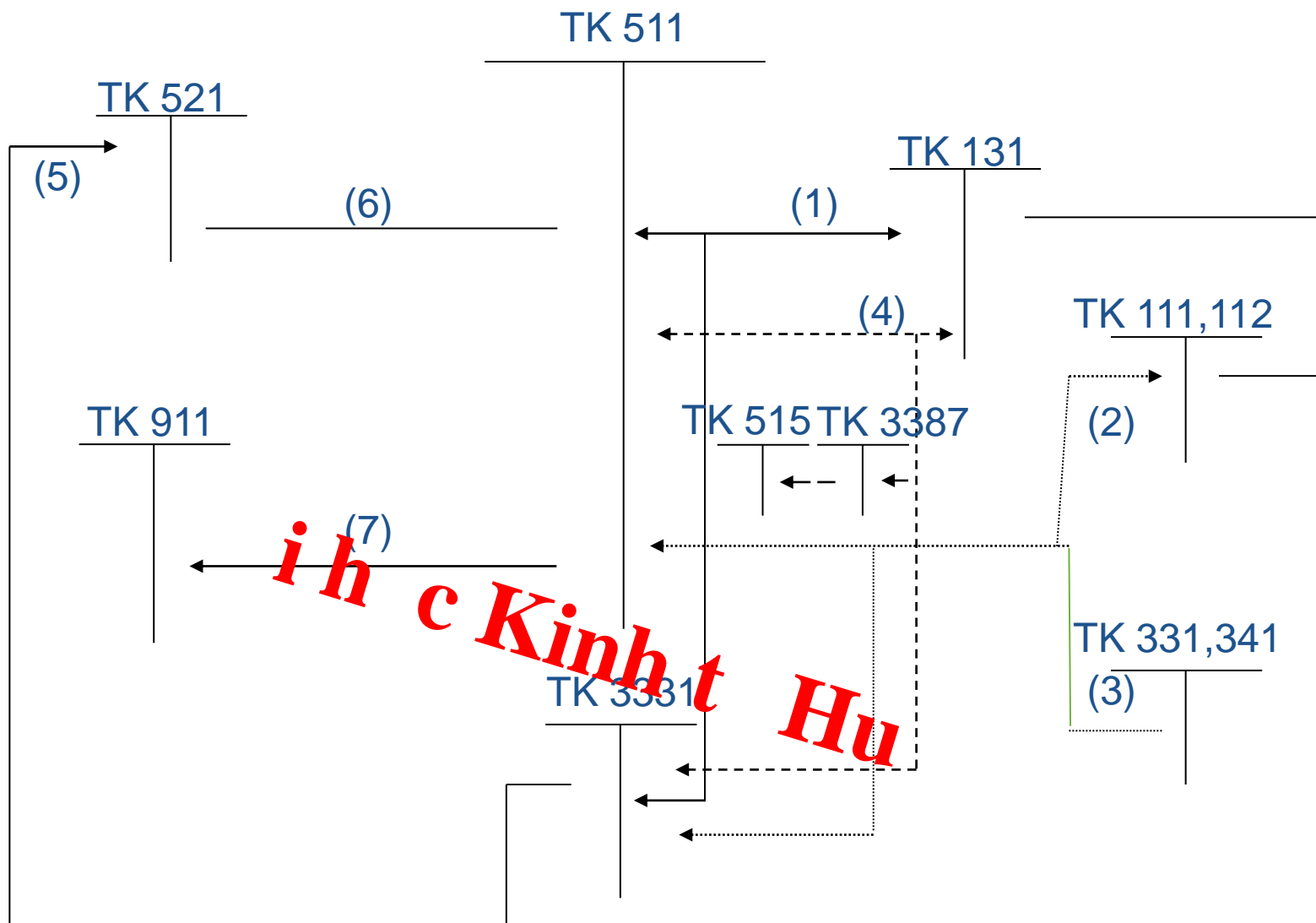
KẾ TOÁN GIÁ VỐN HÀNG BÁN

KẾ TOÁN GIÁ VỐN HÀNG BÁN- KKTX



KẾ TOÁN DOANH THU TIÊU THỤ

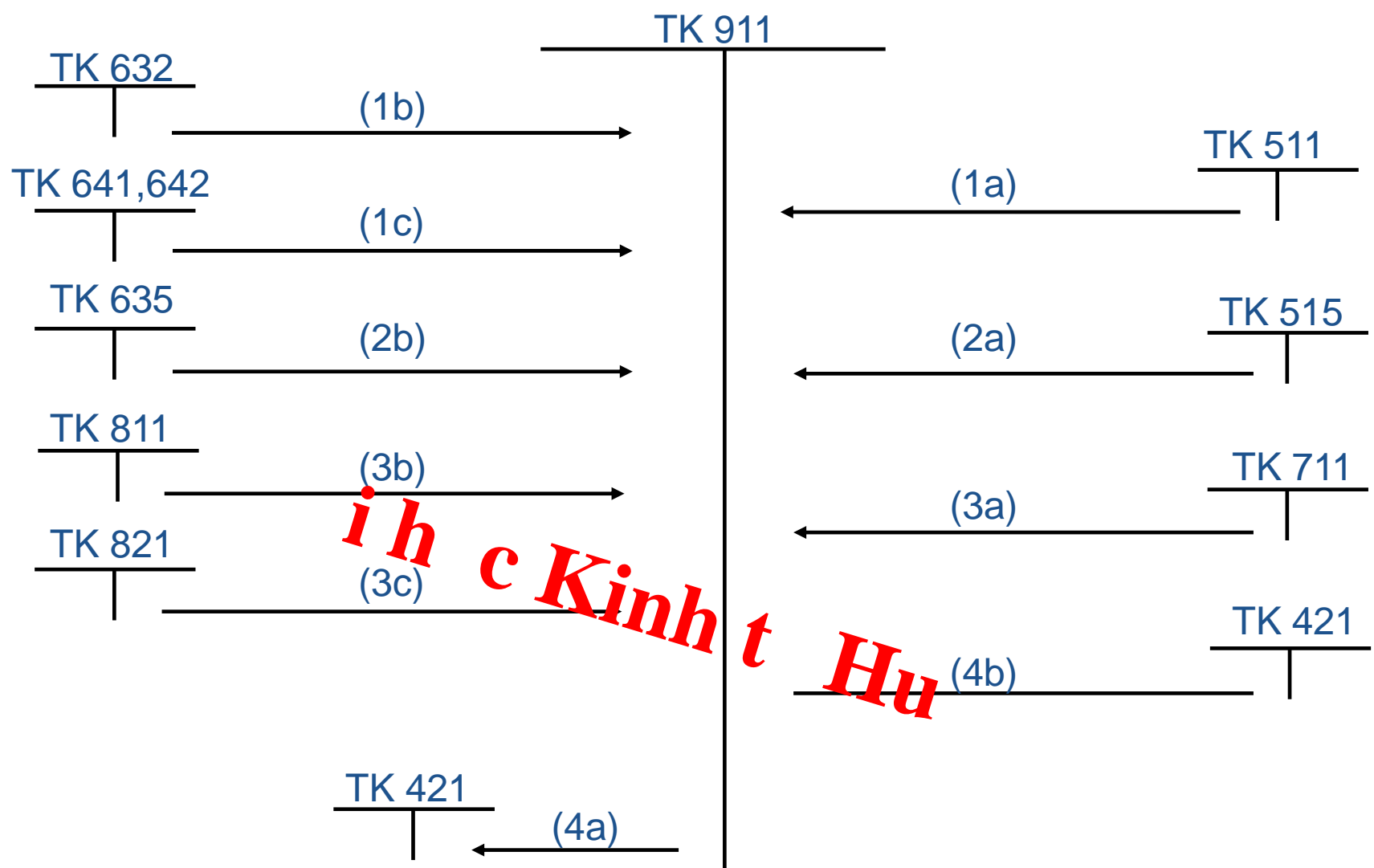
KẾ TOÁN DOANH THU THEO CÁC PHƯƠNG THỨC TIÊU THỤ





KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KQKD

PHƯƠNG PHÁP KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KQKD



BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10			
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27		
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20			
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26		
7. Chi phí tài chính	22	VI.28		
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25			
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30			
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40			
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50			
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30		
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60			
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			

lĩnh vực Kinh tế Hữu



CHƯƠNG 8

PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thị trường Kinh tế Hu





NỘI DUNG

- **Khái niệm**
- **Các nguyên tắc khi lập báo cáo tài chính**
- **Phương pháp lập bảng cân đối kế toán**
- **Phương pháp lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

Thị trường Kinh tế

Hu



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Báo cáo tài chính là các báo cáo cung cấp thông tin về tình hình tài chính, tình hình kinh doanh và các luồng tiền của một doanh nghiệp để đáp ứng nhu cầu thông tin cho việc ra quyết định kinh tế.
- Báo cáo tài chính phải cung cấp thông tin của một doanh nghiệp về:
 - ✓ Tài sản; *hiệu quả Kinh tế*
 - ✓ Nợ phải trả;
 - ✓ Vốn chủ sở hữu;
 - ✓ Doanh thu, thu nhập, chi phí, lãi hoặc lỗ;
 - ✓ Các luồng tiền.

MỘT SỐ NGUYÊN TẮC KHI LẬP BCTC

- ❖ Hoạt động liên tục;
- ❖ Cơ sở dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền);
- ❖ Bù trừ...

ih c Kinh t Hu

PHƯƠNG PHÁP LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

KHÁI NIỆM & MỤC ĐÍCH

- Bảng cân đối kế toán là BCTC cung cấp thông tin về tình hình tài sản và nguồn hình thành tài sản của doanh nghiệp tại một thời điểm nhất định.
- **Bảng cân đối kế toán cung cấp các thông tin:**
 - ✓ Quy mô doanh nghiệp;
 - ✓ Tài sản được tài trợ bằng nguồn nào?
 - ✓ Tính thanh khoản?
 - ✓ Tính toán các chỉ số tài chính để phân tích...

ihc Kinh t Hu

PHƯƠNG PHÁP LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

NGUỒN SỐ LIỆU LẬP BCĐKT

- ✓ BCĐKT cuối kỳ trước;
- ✓ Sổ cái các TK tổng hợp và chi tiết;
- ✓ Bảng cân đối tài khoản;
- ✓ Các sổ chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết, bảng kê...

ih c Kinh t Hu

PHƯƠNG PHÁP LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

NGUYÊN TẮC LẬP BCĐKT

- Hoàn tất việc ghi sổ kế toán tổng hợp và chi tiết;
- Phân loại tài sản và nợ phải trả thành ngắn hạn và dài hạn;
- Không bù trừ các khoản mục tài sản với nợ phải trả (số dư bên Nợ và bên Có các TK 131, 331);
- Căn cứ vào nội dung cụ thể của chỉ tiêu trên BCĐKT để thu thập số liệu phù hợp:
 - ✓ 1 chỉ tiêu cần thông tin trên 1 sổ cái;
 - ✓ 1 chỉ tiêu cần thông tin trên nhiều sổ cái;
 - ✓ 1 chỉ tiêu cần thông tin trên nhiều sổ chi tiết...

hệ thống Kế toán Hữu

PHƯƠNG PHÁP LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

NGUYÊN TẮC LẬP BCĐKT

- Số dư Nợ của TK được ghi bên mục Tài sản, số dư Có của TK được ghi bên mục Nguồn vốn. Trừ một số ngoại lệ:
 - ✓ TK 214, 229;
 - ✓ TK 412, 413, 421...

ih c Kinh t Hu

PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

KHÁI NIỆM

- Báo cáo LCTT là BCTC cung cấp thông tin về việc hình thành và sử dụng tiền trong kỳ báo cáo của doanh nghiệp.
- Khái niệm tiền trong BCLCTT bao gồm tiền mặt, TGNH, tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền.
- BCLCTT được lập theo nguyên tắc kế toán tiền (khác nguyên tắc cơ sở dồn tích).
- Luồng tiền trên BCLCTT được phân loại thành 3 hoạt động:
 - ✓ Hoạt động kinh doanh;
 - ✓ Hoạt động đầu tư;
 - ✓ Hoạt động tài chính.

ih e Kinh t Hu

PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

KHÁI NIỆM

- **Luồng tiền từ hoạt động kinh doanh:** là luồng tiền có liên quan đến các hoạt động **tạo ra doanh thu chủ yếu của doanh nghiệp** (thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ; trả tiền cho nhà cung cấp, trả tiền cho người lao động, trả lãi vay...)
- **Luồng tiền từ hoạt động đầu tư:** là luồng tiền có liên quan đến việc mua sắm, xây dựng, thanh lý, nhượng bán tài sản dài hạn và các khoản đầu tư khác (thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ; thu hồi các khoản đã cho vay; chi mua sắm, xây dựng TSCĐ; chi cho vay, đầu tư vào đơn vị khác...)
- **Luồng tiền từ hoạt động tài chính:** là luồng tiền làm thay đổi quy mô và cơ cấu nguồn vốn của DN (thu nhận vốn góp, phát hành cổ phiếu, đi vay; chi trả vốn góp, trả nợ vay...)

PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

- ❖ Phương pháp trực tiếp: tính ra lưu chuyển tiền thuần của các hoạt động dựa trên các dòng tiền vào và dòng tiền ra tương ứng.
- ❖ Phương pháp gián tiếp: (chỉ áp dụng cho hoạt động kinh doanh) điều chỉnh từ lợi nhuận trước thuế để tính lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh.

ihc Kinh t Hu